



Số: 1904/CBTT.CMC

Cà Mau, ngày 19 tháng 04 năm 2024

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ CÁC SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Tên tổ chức : **CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**
- Mã chứng khoán : **CMM**
- Địa chỉ trụ sở chính : Số 333 Cao Thắng, Phường 8, TP.Cà Mau, Tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : 02903.831608 ; Fax: 02903.580827
- Người thực hiện CBTT: Bùi Sĩ Tuấn - Người đại diện theo pháp luật
- Loại thông tin công bố : định kỳ bất thường 24h theo yêu cầu

NỘI DUNG THÔNG TIN CÔNG BỐ:

Báo cáo thường niên 2023 Công ty cổ phần Camimex.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 19/04/2024 tại đường dẫn sau: <https://cmmseafood.com.vn/cong-bo-thong-tin>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Nơi nhận

- Như K/gửi
- Lưu CBTT



CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Bùi Sĩ Tuấn



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2023



MỤC LỤC

01

Thông tin chung

Thông tin khái quát
Quá trình hình thành và phát triển
Ngành nghề hoạt động kinh doanh
Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
Định hướng phát triển
Các rủi ro

04

Báo cáo và đánh giá của Hội đồng quản trị

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Tổng giám đốc
Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty
Các kế hoạch và định hướng kinh doanh của hội đồng quản trị

02

Tình hình hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm
Tổ chức và nhân sự
Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án
Tình hình tài chính
Cơ cấu cổ đông và tình hình thay đổi vốn đầu tư
Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

05

Quản trị công ty

Hội đồng quản trị
Ban kiểm soát
Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

03

Báo cáo và đánh giá của Ban Tổng giám đốc

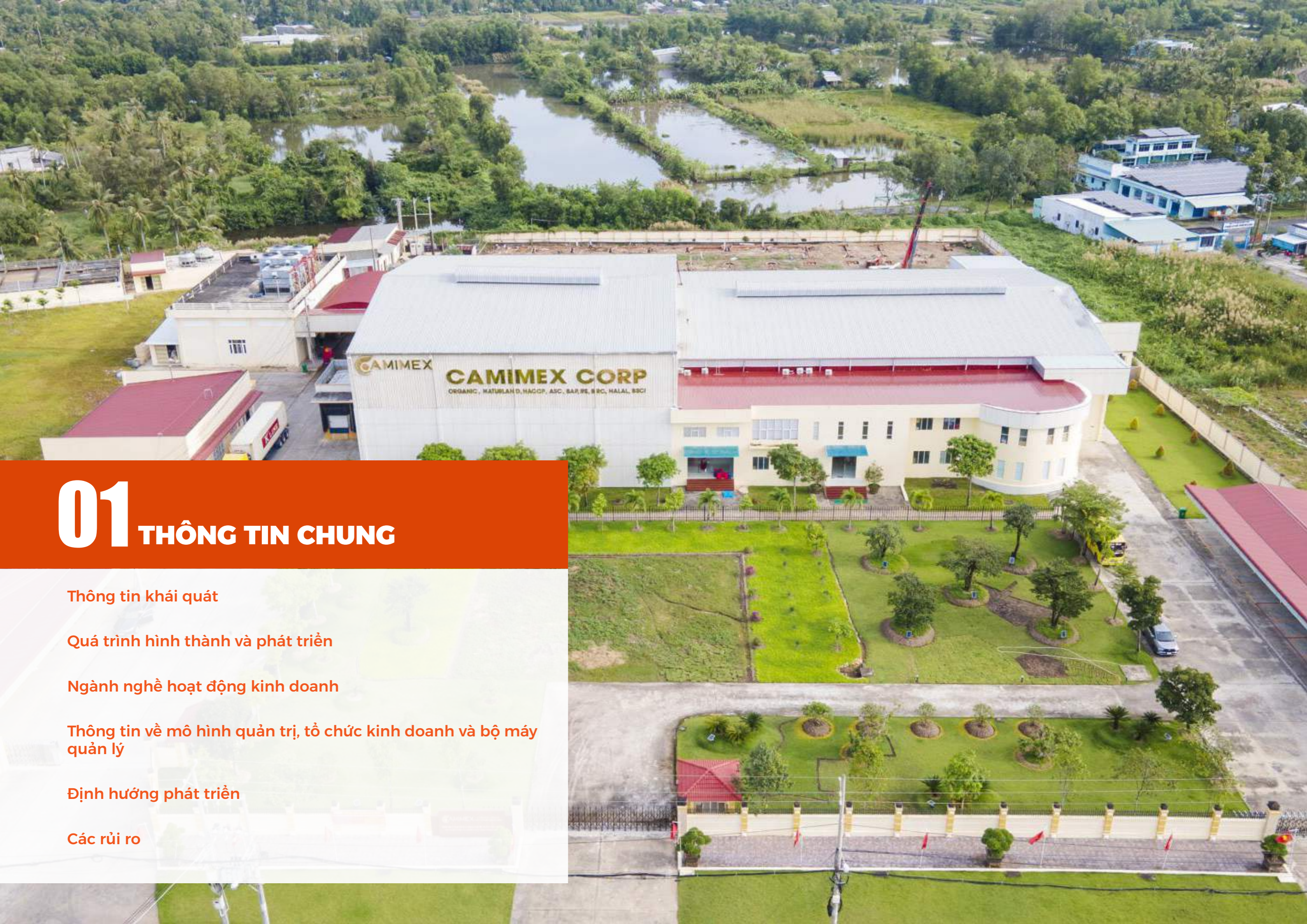
Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
Tình hình tài chính
Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
Kế hoạch phát triển trong tương lai
Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

06

Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2023

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
Báo cáo kiểm toán độc lập
Bảng cân đối kế toán
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh
Bảng lưu chuyển tiền tệ
Bản thuyết minh báo cáo tài chính





01 THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề hoạt động kinh doanh

Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro

THÔNG TIN KHÁI QUÁT



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

| | |
|----------------------------------|---|
| Tên quốc tế | : CAMIMEX JOINT STOCK COMPANY |
| Tên doanh nghiệp viết tắt | : CAMIMEX CORP |
| Giấy chứng nhận ĐKDN | : số 2001122903 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp đăng ký lần đầu ngày 06/06/2013, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023 |
| Mã cổ phiếu | : CMM |
| Sàn chứng khoán | : UPCOM |
| Vốn điều lệ | : 944.999.980.000 đồng |
| Trụ sở chính | : Số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Thành phố Cà Mau, Tỉnh Cà Mau, Việt Nam. |



(0290) 3831 608



cmmseafood.com.vn



(0290) 3580 827



camimex@camimex.com.vn



QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

CTCP Camimex được thành lập với tiền thân là công ty TNHH Thủy sản Camimex với vốn điều lệ 354,5 tỷ đồng từ sự góp vốn thành lập của công ty mẹ là Công ty Cổ Phần Chế biến Thủy sản và Xuất nhập khẩu Cà Mau (nay là Camimex Group)

Công ty TNHH Thủy sản Camimex được đổi tên thành "**Công ty TNHH Camimex**" với định hướng kinh doanh đa ngành nghề ngoài thủy sản.

Công ty đăng ký tăng vốn điều lệ thành công lên mức 630 tỷ đồng theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 20011222903.

Ngày 26/05/2022, Công ty nhận được công văn số 3158/ UBCK-GSDC của UBCKNN chấp thuận việc trở thành công ty đại chúng.

Ngày 28/10/2022, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) đã chấp thuận đăng ký giao dịch cổ phiếu của CTCP Camimex.

Ngày 01/11/2022, Công ty nhận được Công văn số 3196/ TB-SGDHN của Sở GDCK Hà Nội về việc chấp thuận đăng ký giao dịch của CTCP Camimex.

Ngày 08/11/2022, Công ty có phiên giao dịch chứng khoán đầu tiên tại Sở GDCK Hà Nội với mã chứng khoán là CMM.



Xuất khẩu

Camimex đã xuất khẩu tại 25 quốc gia và cùng lãnh thổ trên thế giới, chủ yếu tập trung ở Thụy Sĩ, Đức, Nhật và Hàn Quốc

Năng lực sản xuất

Tổng công suất các nhà máy đã lên đến hơn 18.300 tấn sản lượng/năm

Sản phẩm

Công ty cũng đã đạt được nhiều tiêu chuẩn quản lý chất lượng và an toàn thực phẩm như GMP, SSOP, HACCP, ISO, BRC...



BIO SUISSE
ORGANIC



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính: Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản

Các hoạt động kinh doanh khác:

- Nuôi tôm
- Nuôi trồng thủy sản nội địa
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân
- Bán buôn tổng hợp
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh



Địa bàn kinh doanh

Trụ sở chính: số 333 đường Cao Thắng, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ba xí nghiệp nhà máy:

- » **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 2** (khóm 2, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau)
- » **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 4** (224 Cao Thắng, Khóm 2, phường 8, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau)
- » **Xí nghiệp chế biến thủy sản số 5** (999 Lý Thường Kiệt, phường 6, TP Cà Mau, tỉnh Cà Mau)

Hệ thống phân phối: các chi nhánh cả trong nước và nước ngoài với 25 thị trường xuất khẩu tại 25 quốc gia và vùng lãnh thổ trên thế giới như: Thụy Sĩ, Đức, Canada, Pháp, Hàn Quốc,...



SẢN PHẨM TÔM CHỦ YẾU CỦA CÔNG TY



Tôm Nobashi nhúng đuôi



Tôm lật dầu hấp



Tôm tẩm bột



Tôm sú lật dầu



Tôm sushi



Tôm Tempura

Tôm tươi

- » Tôm nguyên con đông
- » Tôm lật dầu còn vỏ đông
- » Tôm lột vỏ chưa đuôi
- » Tôm lột hết vỏ đông



Tôm hấp

- » Tôm nguyên con hấp đông
- » Tôm xiên que hấp đông
- » Tôm lật dầu còn vỏ hấp đông
- » Tôm lột vỏ còn đuôi hấp đông



Tôm khác

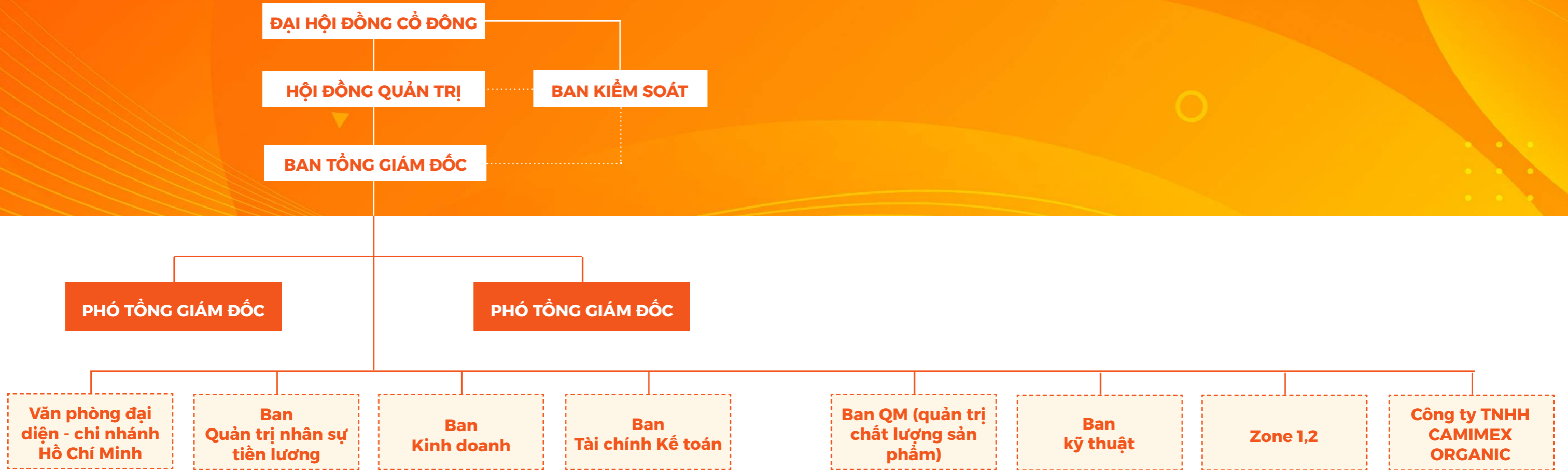
- » Tôm Nobashi nhúng đuôi
- » Tôm lật dầu hấp
- » Tôm cuộn bánh tráng
- » Tôm sú PD xiên que
- » Tôm trộn gia vị
- » Tôm tempura
- » Tôm sú lật dầu
- » Tôm xẻ bướm
- » Tôm tẩm bột chiên
- » Tôm sushi
- » Tôm sú lột



MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ

Mô hình quản trị

Công ty Cổ Phần Camimex có mô hình quản trị bao gồm: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc



Đại hội đồng Cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản của Công ty, có quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, là cơ quan quản lý công ty, có toàn quyền nhân danh công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của công ty mà không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị có thể họp định kỳ hoặc bất thường. Hội Đồng Quản Trị ("HĐQT") của Camimex Corp gồm có 01 (một) Chủ tịch, 04 (bốn) thành viên. Chủ tịch HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

Ban Kiểm soát

Ban kiểm soát của Công ty hiện tại có 03 thành viên, gồm có 01 (một) trưởng ban và 02 (hai) thành viên BKS, do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động quản trị và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng Cổ đông và pháp luật về những công việc thực hiện theo quyền hạn và trách nhiệm theo Quy định tại Điều 164 của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc của Công ty gồm một Tổng giám đốc, hai Phó Tổng giám đốc và một Kế toán trưởng. Tổng giám đốc do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm, là người chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu. Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng do Hội Đồng Quản Trị bổ nhiệm theo đề xuất của Tổng Giám Đốc. Ban Tổng giám đốc của công ty hiện nay là những người có kiến thức chuyên môn sâu rộng, nhiều kinh nghiệm trong việc quản lý và điều hành trong lĩnh vực thủy sản.

MÔ HÌNH QUẢN TRỊ, TỔ CHỨC KINH DOANH VÀ BỘ MÁY QUẢN LÝ (TT)

Các phòng ban chức năng

Ban quản trị nhân sự tiền lương

Sắp xếp bộ máy nhân sự và phụ trách tiền lương thường, chế độ phúc lợi theo quy định của pháp luật.

Hoạch định, chính sách tuyển dụng và đào tạo người lao động, đồng thời xử lý vi phạm kỷ luật, giải quyết đơn thư khiếu nại của người lao động.

Ban Tài chính-kế toán

Lập báo cáo tài chính và các báo cáo khác có liên quan theo đúng quy định của Pháp luật.

Ghi nhận toàn bộ giao dịch và phản ánh số liệu tài chính về tình hình luân chuyển và sử dụng tài sản và nguồn vốn trong suốt quá trình hoạt động kinh doanh.

Báo cáo và cung cấp các số liệu kinh doanh cho việc điều hành kinh doanh, đồng thời kiểm tra tình hình thu chi, thu nộp, thanh toán và việc sử dụng các loại tài sản trong công ty.

Thực hiện hồ sơ hoàn thuế GTGT, thuế TNDN,... và đề xuất các biện pháp kịp thời để đạt được kết quả công nhận quyết toán thuế.

Quản lý các kho thành phẩm và kho vật tư.

Ban kỹ thuật

Xây dựng các chỉ tiêu về máy móc, phối hợp với các phòng ban sản xuất nhằm tối ưu hóa năng suất mỗi nhà máy.

Kiểm tra kỹ thuật chế biến và nhận chuyển giao đối với các thiết bị máy móc từ nước ngoài, đồng thời thẩm tra hồ sơ thiết kế kỹ thuật của các nhà máy đã và đang trong quá trình hoạt động vận hành.

Quản lý và kiểm tra công tác kỹ thuật, thi công nhằm đảm bảo tiến độ, an toàn, chất lượng sản phẩm và hiệu quả kinh tế.

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công nghệ kỹ thuật hiện đại mang lại lợi ích cho hoạt động sản xuất và kinh doanh của công ty

Ban kinh doanh

Xây dựng chiến lược phát triển nguồn khách hàng và chiến lược tiếp thị, quản lý xuất khẩu.

Kết nối với các phương tiện truyền thông đại chúng, xây dựng thông tin đa chiều lan tỏa thương hiệu và tạo hình ảnh tốt đối với công chúng về các sản phẩm của Công ty.

Ban QM (quản lý chất lượng sản phẩm)

Cải tiến công nghệ nhằm nâng cao chất lượng và mẫu mã cho sản phẩm.

Kết hợp với các phòng, ban khác để triển khai nghiên cứu phát triển sản phẩm mới phù hợp với từng thị trường xuất khẩu.

Tham mưu cho Ban Tổng giám đốc về công nghệ kỹ thuật và các công nghệ hữu ích cho hoạt động sản xuất sản phẩm.

Cập nhật tiêu chuẩn các thị trường xuất khẩu và xây dựng các khung đánh giá chất lượng nguyên liệu và thành phẩm

Chịu trách nhiệm đánh giá và duy trì các tiêu chuẩn: EU Organic, Naturland Organic, Biosuisse, HACCP,...

Zone 1, Zone 2 (Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4, Xí nghiệp 5)

Zone 1 và Zone 2 tổ chức triển khai thực hiện, giám sát các hoạt động sản xuất của các Xí nghiệp 1, Xí nghiệp 2, Xí nghiệp 4 và Xí nghiệp 5;

Lên kế hoạch sản xuất, chế biến tôm theo từng ngày/tuần/tháng/quý báo cáo lên HĐQT, Ban TGD;

Báo cáo tình hình hoạt động của các thiết bị máy móc: sửa chữa hỏng hóc, khấu hao tài sản; thay thế phụ tùng nếu có;

Phối hợp với các phòng ban liên quan về kế hoạch sản xuất theo từng ngày/tuần /tháng/quý;

Tổ chức việc phân công ca cho khối công nhân, thực hiện điều hành giám sát các hoạt động chế biến trong quá trình các nhà máy hoạt động.



Công ty con & Công ty liên kết

Công ty con:

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN CAMIMEX ORGANIC

Địa chỉ: Ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau

Lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính gồm:

- Sản xuất, kinh doanh giống thủy sản
- Nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa

Vốn điều lệ thực góp của Camimex Corp: 40.000.000.000 đồng

Tỷ lệ sở hữu của Camimex Corp đối với Camimex Organic: 79,21%

Công ty liên kết: Không có

Các mục tiêu của Công ty



Nắm bắt thị trường mới

Công ty tìm cách mở rộng mạng lưới khách hàng trong thị trường mới bằng cách tích cực liên hệ với khách hàng tiềm năng cũng như tham gia các hội chợ thương mại để tiếp thị sản phẩm

Gia tăng công suất chế biến

Công ty tập trung vào việc đổi mới, nâng cấp trang thiết bị, nhà xưởng để đạt được công suất tối ưu cho việc phát triển, mở rộng



Tăng mô hình tích hợp

Xây dựng cơ sở nuôi tôm sinh thái và tăng cường liên kết thêm với các nông lâm trường tại Cà Mau để tăng khả năng cung cấp nguyên liệu ổn định, chất lượng cao cho nhà máy chế biến.

Tăng cường nhập khẩu nguyên liệu chất lượng cao về để chế biến hàng giá trị gia tăng xuất khẩu, mua đúng loại nguyên liệu, kích cỡ cần thiết cho sản xuất nên giảm được tồn kho và tăng được hiệu quả sản xuất



Tận dụng tốt lợi thế cạnh tranh

Với lợi thế là doanh nghiệp mới thành lập nên CMM có thể dễ dàng cơ cấu, sắp đặt nhân sự và có mô hình kinh doanh linh hoạt để có hoạt động tối ưu, giúp kiểm soát tốt chuỗi giá trị đầu vào và đầu ra.



Củng cố và gia tăng thị phần trong nước, quốc tế

Lợi thế cạnh tranh của Camimex Corp là thừa hưởng uy tín thương hiệu hơn 45 năm qua của Camimex Group bao gồm mô hình tích hợp nuôi tôm, mối quan hệ với các khách hàng chủ chốt, chất lượng sản phẩm cao đặc biệt là hệ thống tôm sinh thái. Từ đó, CMM có thể cung cấp sản phẩm đa dạng và có khả năng đáp ứng đơn đặt hàng nhanh chóng.



Chiến lược phát triển trung và dài hạn



Nguồn nguyên liệu

CMM chủ động làm chủ nguồn cung ứng tôm từ việc nhập khẩu trong nước từ các công ty có mối quan hệ chặt chẽ với CMM để hạn chế những ảnh hưởng từ biến đổi khí hậu, giúp ổn định nguồn cung. Công ty cũng sẽ áp dụng các giải pháp đồng bộ và hiện đại để nhân rộng giống tôm và quản lý hiệu quả việc nuôi trồng tôm.

Chất lượng sản phẩm

CMM liên tục cải tiến và ứng dụng công nghệ hiện đại để cải tiến sản phẩm nhằm đa dạng hóa hướng đến môi trường và nâng cao năng suất, đồng thời tối đa hóa lợi thế về nuôi tôm sú sinh thái và lợi thế thương hiệu từ công ty mẹ để mở rộng quy mô tiêu thụ.

Hệ thống xử lý nước

CMM sẽ xây dựng hệ thống gồm 3 nhà máy xử lý nước thải đạt chuẩn quốc tế với công nghệ Nhật Bản, đảm bảo nguồn nước sinh hoạt an toàn trước khi thải ra môi trường. Các nhà máy xử lý nước thải được nâng cấp và kiểm tra theo định kỳ, có phân công người vận hành thường xuyên theo quy trình cụ thể.

Mục tiêu phát triển bền vững

Phát triển hướng đến khách hàng

Công ty xem khách hàng là trung tâm của sự phát triển và đặt lợi ích của khách hàng lên hàng đầu để từ đó có thể cải tiến sản phẩm đáp ứng tốt nhất mọi yêu cầu của người tiêu dùng. Việc nhận được sự tín nhiệm cao từ người tiêu dùng không chỉ là niềm tự hào mà còn là động lực thúc đẩy phát triển của Công ty

Nâng cao năng lực tiêu thụ sản phẩm ở thị trường quốc tế

Sản phẩm của CMM luôn đảm bảo đạt chuẩn an toàn thực phẩm và các yêu cầu về chất lượng ở các thị trường quốc tế, đặc biệt là các quốc gia khó tính như Mỹ và Châu Âu. Sản lượng xuất khẩu của CMM đã được cải thiện ngày càng tốt trong thời gian qua nhờ đáp ứng được mọi yêu cầu khắt khe về chất lượng tôm xuất khẩu.





CÁC RỦI RO

1

Rủi ro kinh tế

Nền kinh tế năm 2023 của Việt Nam tuy vẫn còn những khó khăn nhưng đã có dấu hiệu hồi phục tích cực khi đầu tư công được đẩy mạnh và lạm phát đã phần nào hạ nhiệt. Theo Tổng cục thống kê, tốc độ tăng trưởng GDP 2023 của Việt Nam đạt mức 5,05%, trong đó lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 4,13%, đóng góp 7,51%. Cụ thể, sản lượng thủy sản trong năm 2023 đã đạt 9.312,3 nghìn tấn, tăng 2,2% so với năm trước. Thủy sản đang có xu hướng phát triển tập trung, chuyển đổi theo hướng bền vững, khai thác đi đôi với bảo vệ nguồn lợi, áp dụng rộng rãi nuôi trồng ứng dụng công nghệ cao, tuy nhiên xuất khẩu thủy sản gặp khó khăn do nhu cầu tiêu thụ thủy sản của các thị trường lớn như Mỹ, EU, Trung Quốc giảm do ảnh hưởng của lạm phát, suy thoái kinh tế. Điều này đã làm cho kim ngạch xuất khẩu đạt 9,2 tỷ USD, giảm 8% so với năm 2022.

Điều này có thể gây tác động tiêu cực đến ngành xuất khẩu tôm khi triển vọng xuất khẩu của Việt Nam vẫn còn hơi ảm đạm. Ngoài ra, các xung đột chính trị toàn cầu vẫn chưa có dấu hiệu kết thúc đang khiến cho chuỗi cung ứng toàn cầu bị gián đoạn và gia tăng nguy cơ suy thoái kinh tế. Một số hãng vận tải biển đã tạm dừng việc vận chuyển và khai thác ở khu vực Biển Đỏ, từ đó làm gia tăng chi phí vận chuyển, làm ảnh hưởng đến khả năng lưu thông hàng hóa tại nhiều quốc gia xuất khẩu khi giá cả hàng hóa, nguyên vật liệu bị đẩy lên cao. Các thách thức từ trên có thể khiến cho khả năng phân bổ nguồn lực của nền kinh tế bị giảm sút, tạo áp lực cho lạm phát và lãi suất tăng cao. Vì vậy, CMM đã thường xuyên theo dõi diễn biến kinh tế, đặc biệt là thị trường thủy sản để đưa ra các phương án kinh doanh phù hợp và hạn chế được các rủi ro kinh tế

RỦI LO LÃI SUẤT

Với việc lạm phát đã dần hạ nhiệt kể từ sau đại dịch COVID-19, Ngân hàng nhà nước đã chủ động giảm lãi suất 4 lần từ 0,5% - 2%/năm trong năm 2023. Trong đó, lãi suất cho vay đã giảm mạnh với mức 8,3%-10,5%/năm trong những tháng cuối năm nhằm kích cầu tiêu dùng trong nước. Thêm vào đó, tình trạng dư thừa vốn tại các Ngân hàng thương mại vẫn duy trì ở mức cao do nhu cầu tín dụng của nền kinh tế ở mức thấp, góp phần làm giảm mạnh lãi suất huy động vào cuối năm. Điều này giúp giảm áp lực lãi vay cho các công ty có cơ cấu nợ cao, trong đó có Camimex. Đồng thời đây cũng là thách thức và rủi ro cho các công ty sản xuất luôn cần một lượng vốn lớn như Camimex khi cần tận dụng tốt cơ hội để giảm tối đa chi phí tài chính và cần đảm bảo khả năng thanh toán tốt tránh nợ vay vượt quá tầm kiểm soát. Công ty cũng thường xuyên theo dõi và chú trọng kiểm soát lượng vốn lưu động hàng ngày, đồng thời liên tục cập nhật thông tin về lãi suất nhằm tránh rủi ro vỡ nợ

RỦI LO LẠM PHÁT

Theo tổng cục thống kê, kể từ cuối năm 2023, chỉ số CPI đã tăng nhanh do áp lực từ chi phí y tế và giáo dục. Tuy nhiên, nhìn chung lạm phát bình quân cả năm 2023 được duy trì ở mức 3,25%, tăng nhẹ so với cùng kỳ và thấp hơn lạm phát mục tiêu của Chính phủ đề ra. Ngoài ra, lạm phát cơ bản 2023 đã tăng 4,16% so với năm 2022, nguyên nhân chủ yếu do nhu cầu tiêu dùng hàng hóa và dịch vụ dần phục hồi. Lạm phát tuy đã hạ nhiệt nhưng vẫn còn ở mức khá cao, do tổng cầu thế giới giảm và hoạt động thương mại toàn cầu tăng trưởng chậm lại đã tác động không nhỏ đến các quốc gia có độ mở kinh tế lớn, trong đó có Việt Nam. Bên cạnh đó, sức ép lạm phát vẫn chưa có dấu hiệu hồi phục hoàn toàn ở các quốc gia như Mỹ, Châu Âu và Nhật Bản đã làm gia tăng chi phí tiêu dùng khi đây đều là các thị trường xuất khẩu lớn của Việt Nam, đặc biệt là thủy sản. Nhận thức được điều này, Công ty luôn theo dõi sát sao biến động giá cả để chủ động điều chỉnh kế hoạch bán hàng phù hợp nhằm phòng ngừa rủi ro lạm phát.



RỦI LO TỶ GIÁ

Theo số liệu của Tổng cục thống kê, tỷ giá hối đoái đồng Việt Nam năm 2023 được duy trì ở mức ổn định ở mức 24,265 VND/USD. Tỷ giá trong vài năm gần đây tuy có mức biến động không quá cao nhưng vẫn đang có xu hướng duy trì ở mức cao, theo Bộ tài chính, tỷ giá đồng VND do với USD trong năm 2024 sẽ tiếp tục tăng do hoạt động thương mại vẫn chưa ổn định. Việc này có thể tác động tiêu cực đến doanh thu hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp thủy sản khi tỷ giá thương mại hàng hóa đối với ngành thủy sản đã tăng 3,20%. Thế nên áp lực tỷ giá đối với các công ty xuất khẩu thủy sản là không hề nhỏ, đòi hỏi các doanh nghiệp phải có các chính sách điều chỉnh giá phù hợp và kế hoạch đa dạng hóa nguồn thu nhập hợp lý.

Việc tỷ giá VND/USD đang có xu hướng tăng do giá đồng đô la Mỹ đang giảm khi triển vọng kinh tế toàn cầu hồi phục chậm hơn dự kiến có thể làm giảm nhu cầu xuất khẩu của các doanh nghiệp Việt Nam hiện nay. Với cơ cấu doanh thu xuất khẩu chiếm đến hơn 70% trong cơ cấu doanh thu của Camimex nên áp lực tỷ giá cao sẽ làm giảm nhu cầu nhập khẩu tôm ở các quốc gia khác từ đó có thể làm giảm thu nhập từ hoạt động xuất khẩu tôm của CMM. Thế nên, với đặc thù là doanh nghiệp xuất khẩu tôm, CMM luôn cập nhật biến động tỷ giá hàng ngày và xem xét tác động đến hoạt động xuất khẩu nhằm đưa ra các hoạt động bán hàng phù hợp, hạn chế rủi ro giảm doanh thu do biến động tỷ giá.

2

Rủi ro pháp luật

Cũng như các công ty Việt Nam khác trong nền kinh tế, Công ty Cổ phần Camimex luôn phải tuân thủ theo Luật Doanh nghiệp, Luật Thuế và các quy định khác về hoạt động kinh doanh. Ngoài ra, với đặc trưng mô hình kinh doanh là Công ty Cổ phần đã được đăng ký giao dịch trên sàn UPCOM nên hiện nay CMM đang phải tuân theo các quy định dưới sự quản lý của Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Công ty cần phải liên tục cập nhật những thay đổi mới của hệ thống luật pháp Việt Nam để hoạt động sản xuất kinh doanh được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Các sự thay đổi trong quy định pháp luật vì lợi ích chung của nền kinh tế có thể làm thay đổi kế hoạch kinh doanh và định hướng của công ty. Cùng với việc đặc thù doanh nghiệp là kinh doanh xuất khẩu thủy sản nên thị trường mục tiêu chính của Công ty là tại các thị trường xuất khẩu lớn trên thế giới như Châu Âu, Canada, Hàn Quốc và Nhật Bản, Công ty còn phải tuân thủ theo những tiêu chuẩn kinh doanh và các yêu cầu chất lượng sản phẩm ở các quốc gia đó. Bên cạnh đó, các hiệp định thương mại tự do vừa là cơ hội gia tăng thị phần cũng vừa là thách thức cho các doanh nghiệp xuất khẩu như CMM khi giờ đây các tiêu chuẩn về an toàn, chất lượng sản phẩm và chuẩn mực về sản xuất kinh doanh đang ngày càng được thắt chặt hơn. Thế nên, CMM đang tận dụng các nguồn lực để nâng cao chất lượng sản phẩm và luôn cập nhật những thay đổi mới nhất về quy định về kinh doanh để kịp thời điều chỉnh, tránh các thiệt hại không đáng có.



3

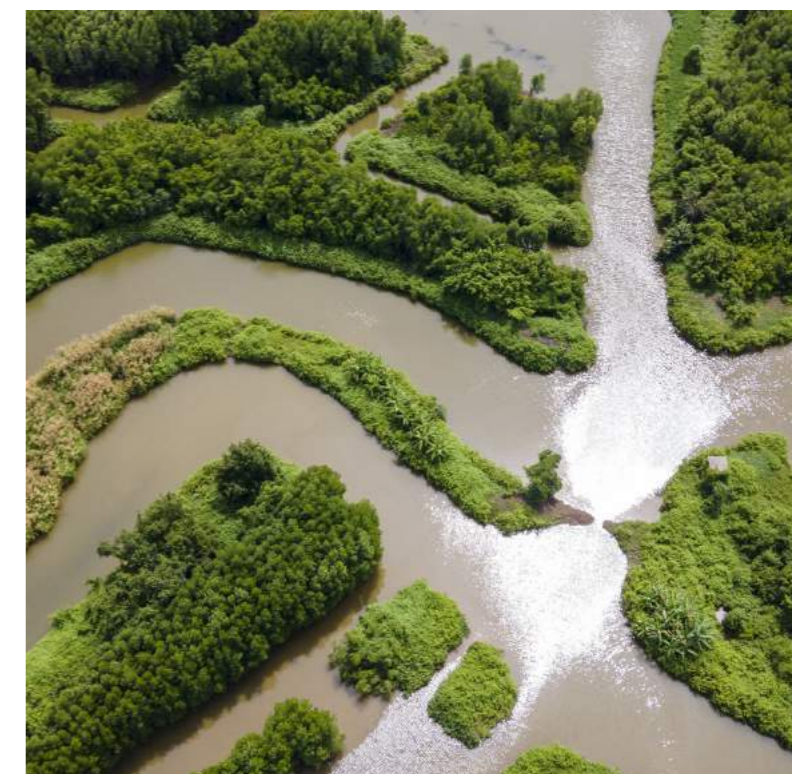
Rủi ro đặc thù ngành

RỦI RO CẠNH TRANH

Ngành nuôi trồng và xuất khẩu thủy hải sản đang ngày càng được đầu tư và đóng góp nhiều vào sự phát triển của nền kinh tế. Đặc biệt, tôm vẫn là sản phẩm thủy sản xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Với rào cản gia nhập không quá lớn, sức ép cạnh tranh trong ngành đang ngày càng cao khi thị trường xuất khẩu tôm của Việt Nam đã xuất hiện ở nhiều nơi trên thế giới với tổng giá trị xuất khẩu chiếm khoảng 14% so với tổng giá trị xuất khẩu của thế giới. Các công ty trong ngành hiện nay chủ yếu đang cạnh tranh nhau về thị phần khi sức ép cạnh tranh ngày một lớn, đòi hỏi các công ty hiện nay đang có xu hướng hoàn thiện chuỗi cung ứng và tận dụng tối đa nguồn lực. Chính vì thế, Camimex đang đầu tư nghiên cứu tạo ra các giống tôm sú và tôm thẻ khỏe mạnh, đồng thời xây dựng các chính sách bán hàng phù hợp để có được lợi thế cạnh tranh. Ngoài ra, công ty còn tập trung nghiên cứu cho ra các sản phẩm chế biến mới dựa trên việc khảo sát thị trường thực tế để có thể cạnh tranh với các quốc gia xuất khẩu tôm lớn như Ấn Độ, Indonesia,...

RỦI RO BIẾN ĐỘNG GIÁ NGUYÊN LIỆU

Nguyên liệu đầu vào cho việc chế biến của Camimex là các giống tôm nguyên liệu hầu hết được cung cấp từ nội địa. Theo VASEP, vào cuối năm 2023, giá tôm nguyên liệu đã giảm khoảng 15% so với cùng kỳ và giá tôm nguyên liệu nội địa ít chịu ảnh hưởng từ giá tôm nguyên liệu thế giới nên trong năm vừa qua các doanh nghiệp xuất khẩu tôm như CMM vẫn chưa chịu tác động lớn cũng như kiểm soát khá tốt biến động này. Tuy nhiên, các tiêu chuẩn xuất khẩu về chất lượng sản phẩm đang đòi hỏi các quy định về kỹ thuật nuôi tôm, sản xuất, tạo sức ép làm tăng chi phí sản xuất và nuôi trồng tôm giống. Nhằm giảm thiểu rủi ro biến động giá này, CMM đã chủ động liên kết với các thành viên trong hệ sinh thái Camimex để kiểm soát chuỗi khép kín từ vùng nuôi cho đến sản xuất.



CÁC RỦI RO (TT)

RỦI RO XUẤT KHẨU TÔM

Trong năm 2023, biên lợi nhuận gộp của hầu hết các công ty trong ngành đều giảm do nhu cầu tiêu thụ tôm tại các thị trường chính suy yếu. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam (VASEP), kim ngạch và giá xuất khẩu tôm từ Việt Nam sang Mỹ đã sụt giảm do lượng tồn kho tôm đông lạnh từ nguồn cung từ Ecuador vẫn còn ở mức cao. Cũng theo VASEP, hai thị trường lớn khác là Châu Âu và Nhật Bản cũng ghi nhận mức sụt giảm về kim ngạch xuất khẩu tôm. Tại Châu Âu, giá trị xuất khẩu và giá bán tôm đều chưa được cải thiện do lạm phát và nguồn cung tôm tăng cao. Mặc dù, mảng tôm Việt Nam có lợi thế dẫn đầu về phân khúc tôm chế biến sang Nhật Bản, nhưng tình trạng lạm phát cao cùng với sự mất giá mạnh của đồng JPY so với VND đã khiến nhu cầu tiêu thụ tôm tại Nhật Bản giảm mạnh.

Theo Bộ Nông nghiệp & Phát triển Nông thôn, nguồn cung tôm sẽ phục hồi do thời tiết năm 2024 được dự báo phù hợp với hoạt động nuôi tôm, kết hợp với chu kỳ nuôi tôm thường kéo dài từ 2 - 3 tháng, nên nguồn cung tôm được kỳ vọng sẽ phục hồi và đáp ứng nhu cầu chế biến khi hoạt động xuất khẩu cải thiện. Việc này có thể làm giảm áp lực lên giá tôm nguyên liệu. Điều này tạo cơ hội tăng doanh thu cho các doanh nghiệp thủy sản đồng thời cũng đòi hỏi phải quản lý tốt hoạt động sản xuất để tránh tình trạng thiếu hụt hay thừa sản lượng sản xuất khi tình trạng mất cân bằng cung cầu trên thị trường xuất hiện. Thế nên, CMM luôn theo dõi rất sát sao diễn biến xuất nhập khẩu tôm để nắm bắt tốt các cơ hội gia tăng doanh thu.

4

Rủi ro khác

Camimex cũng có thể chịu tác động tiêu cực từ môi trường tự nhiên xung quanh và làm gián đoạn hoạt động sản xuất kinh doanh. Đầu tiên là rủi ro về điều kiện tự nhiên như thiên tai, bão lụt có thể gây thiệt hại nghiêm trọng tới cơ sở vật chất và nguồn lực nhân sự của Công ty. Thứ hai là các tình huống xảy ra bất ngờ như chập điện, hỏa hoạn và cháy nổ, điều này có thể làm hỏng các thiết bị, nhà máy sản xuất và ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Cuối cùng là rủi ro xảy ra dịch bệnh, điển hình như đại dịch COVID-19 trong vài năm gần đây làm ảnh hưởng xấu đến sức khỏe tinh thần lẫn thể chất của người lao động. Thế nên, Công ty luôn đề phòng và triển khai các biện pháp cần thiết và tuyên truyền nâng cao tinh thần chủ động phòng ngừa cho tất cả mọi người trong Công ty



The image shows the exterior of a CAMIMEX building. The name 'CAMIMEX' is prominently displayed in large, gold, 3D letters on the upper left part of the facade. Below it, the words 'CAMIMEX CORP' are written in smaller, red, sans-serif letters. A red flag with a yellow star is flying from a pole on the roof. In the foreground, there is a gate with a large, reddish-brown sign that reads 'CAMIMEX CORP FACTORY No. 4'. The sky is blue with scattered white clouds, and a palm tree is visible on the right side of the frame.

CAMIMEX

02 HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH TRONG NĂM 2023

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông và sự tình hình thay đổi vốn đầu tư

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty



TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tình hình xuất khẩu tôm Việt Nam 2023

Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu thủy sản Việt Nam (VASEP), xuất khẩu tôm Việt Nam năm 2023 đạt khoảng 3,4 tỷ USD, thấp hơn 21% so với cùng kỳ. Trong đó, Hoa Kỳ vẫn là thị trường nhập khẩu tôm lớn nhất của Việt Nam, đứng thứ hai là khu vực Châu Âu. Tiếp đến là Trung Quốc, lượng tôm nhập khẩu của thị trường này đã giảm mạnh vào cuối năm do nhu cầu tiêu thụ ở quốc gia này giảm và tôm Việt Nam phải cạnh tranh với các mặt hàng giá rẻ từ các nước khác. Theo đó tuy sản lượng tôm xuất khẩu đã tăng trưởng dương trong 3 tháng từ tháng 6 đến tháng 8, nhưng quay lại đà giảm trong bốn tháng cuối năm. Điểm tích cực là Trung Quốc và Hồng Kông là thị trường có mức sụt giảm thấp nhất trong số các thị trường nhập khẩu tôm chính của Việt Nam. Theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam, kim ngạch xuất khẩu tôm Việt Nam sang các quốc gia trên đều giảm và mức giá xuất khẩu cũng đang có xu hướng duy trì ở vùng giá thấp kể từ giữa năm 2023.

Trong tương lai, Trung Quốc được xem là thị trường mục tiêu của các doanh nghiệp Việt Nam khi nước này đón nhận một lượng cung rất lớn hàng năm do Trung Quốc sẽ ngày càng phụ thuộc vào thủy sản nhập khẩu, giống như mô hình các nước phương Tây. Đây là cơ hội triển vọng cho lĩnh vực xuất khẩu tôm ở Việt Nam, cũng vừa là thách thức do có quá nhiều nguồn xuất khẩu từ nhiều nước vào thị trường này với giá chào thấp nên tôm Việt Nam rất khó để cạnh tranh giá. Trong năm 2023, sản lượng tôm nuôi khoảng 1,1 triệu tấn, tương ứng với giá trị kim ngạch xuất khẩu vẫn chỉ dao động từ 3,5 - 4 tỉ USD. Vì vậy, Việt Nam đang hướng tới việc trở thành một trong những quốc gia hàng đầu về chế biến sâu rộng và tạo ra các sản phẩm thủy sản có giá trị gia tăng cao nhằm cải thiện kim ngạch xuất khẩu.

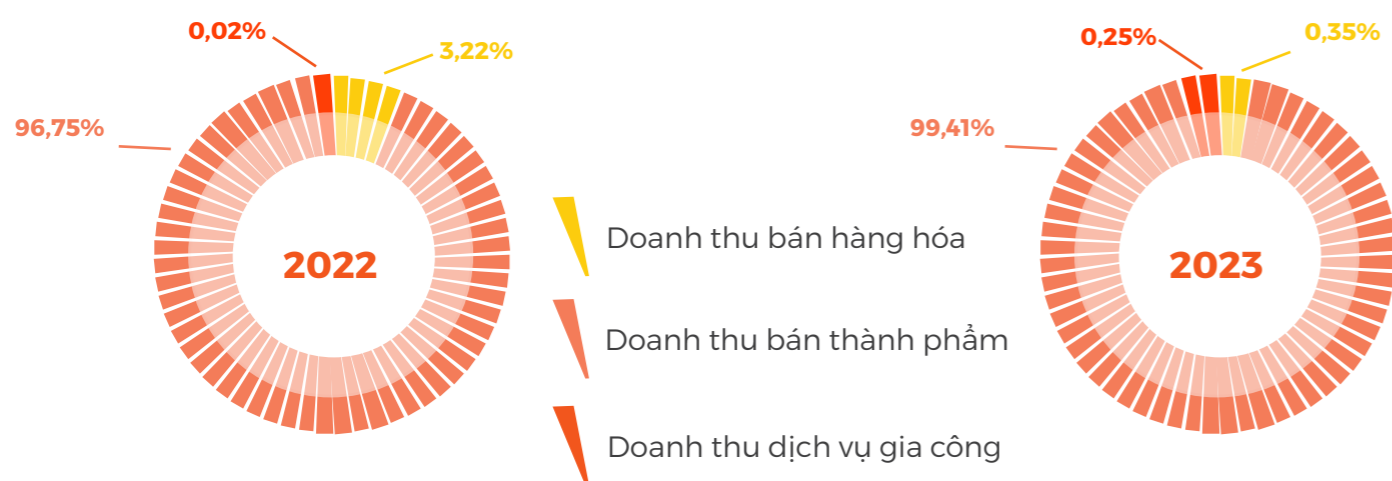


TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu doanh thu | Năm 2022 | | Năm 2023 | | % 2023/2022 |
|-------------------------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|---------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Doanh thu bán hàng hóa | 78.525 | 3,22% | 6.691 | 0,35% | 8,52% |
| Doanh thu bán thành phẩm | 2.357.425 | 96,75% | 1.909.557 | 99,41% | 81,00% |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công | 583 | 0,02% | 4.726 | 0,25% | 811,06% |
| Tổng cộng | 2.436.533 | 100% | 1.920.974 | 100% | 78,84% |



Doanh thu của Camimex đã giảm nhẹ 21,16% từ mức 2.436.533 triệu đồng xuống còn 1.920.974 triệu đồng vào năm 2023, chủ yếu đến từ doanh thu bán hàng và doanh thu bán thành phẩm. Trong đó, doanh thu bán thành phẩm vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất với 99,41% trong cơ cấu doanh thu trong năm 2023 khi đây là nguồn doanh thu từ các sản phẩm tôm chế biến của Công ty, đã chứng kiến sự sụt giảm 19,00%. Nguyên nhân do hoạt động xuất khẩu tôm gặp khó khăn trong năm qua khi nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường lớn như Mỹ và Trung Quốc đã giảm đáng kể, nên Công ty đã cắt giảm lượng tôm thành phẩm để tránh lượng tồn kho dư thừa. Ngoài ra, với lợi thế chủ động được nguồn cung nguyên liệu đầu vào trong hệ sinh thái Camimex, Công ty đã chủ động ưu tiên lợi thế cạnh tranh này và tập trung vào mảng kinh doanh bán thành phẩm khi tỷ trọng doanh thu của mảng này đã được gia tăng trong bối cảnh khó khăn kinh tế

Cùng với đó, doanh thu bán hàng hóa cũng ghi nhận sự giảm sút với mức giảm đến hơn 90% xuống còn 6.691 triệu đồng do nhu cầu tiêu thụ trên thị trường chưa hồi phục hoàn toàn và Công ty cũng chủ động giảm lượng hàng tồn kho không cần thiết để giảm thiểu tối đa chi phí nguyên liệu và tồn kho.

Ngược lại, doanh thu từ dịch vụ gia công của Công ty năm vừa qua đã đạt mức 4.726 triệu đồng với mức tăng trưởng gần 8 lần so với năm 2022. Nhờ vậy đây mảng kinh doanh này đã tăng tỷ trọng lên 0,25% trong cơ cấu doanh thu nhưng do vẫn chiếm tỷ trọng rất nhỏ nên vẫn chưa có tác động nào đáng kể đến biến động doanh thu của Công ty.

Kết quả hoạt động kinh doanh trong năm

Đơn vị tính: Triệu đồng

| Chỉ tiêu kinh doanh | Năm 2022 | Năm 2023 | % 2023/2022 |
|---|-----------|-----------|-------------|
| Doanh thu thuần | 2.414.196 | 1.913.449 | 79,26% |
| Lợi nhuận gộp | 329.391 | 254.506 | 77,27% |
| Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 121.091 | 58.762 | 48,53% |
| Lợi nhuận trước thuế | 120.989 | 51.487 | 42,56% |
| Lợi nhuận sau thuế | 106.911 | 44.784 | 41,89% |



Kết quả kinh doanh của Camimex trong năm vừa qua đã ghi nhận sự sụt giảm nhẹ trong bối cảnh hoạt động xuất khẩu tôm của nước ta đã gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của suy thoái kinh tế toàn cầu, và lượng tồn kho tôm tăng cao với nguồn cung dồi dào từ Ecuador. Cùng với việc nhu cầu tiêu thụ tại các thị trường xuất khẩu chính của Công ty như Châu Âu, Hàn Quốc và Nhật Bản đã suy yếu đã làm tăng sức ép cạnh tranh lên mặt hàng xuất khẩu tôm của các doanh nghiệp nước ta. Với tình hình kinh tế khó khăn như vậy, Doanh thu của CMM đã bị giảm sút khá nhiều từ 2.414.196 triệu đồng xuống mức 1.913.449 triệu đồng vào năm 2023, với mức giảm 20,74% này đã tác động lớn đến lợi nhuận của Công ty trong năm vừa qua. Đối mặt với việc này, Công ty đã chủ động cắt giảm nguồn cung nguyên liệu, nên lợi nhuận gộp tuy đã giảm nhưng không quá đáng lo ngại. Bên cạnh đó, Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế chứng kiến sự sụt lần lượt ở mức 51,47% và 58,11%. Tuy chi phí bán hàng đã giảm đáng kể do Công ty đã giảm thiểu các hoạt động liên quan đến công tác bán hàng do nhu cầu tiêu thụ sản phẩm suy yếu đi, nhưng chi phí lãi vay đã tăng lên do biến động lãi suất trong năm qua và đặc biệt là chi phí quản lý doanh nghiệp đã tăng lên nhiều do chi phí quản lý từ công ty con cũng như các khoản trích lập dự phòng đã tăng lên. Công ty đã ưu tiên nguồn lực cho các khoản chi phí cần thiết nhằm duy trì ổn định hoạt động kinh doanh trong bối cảnh kinh tế khó khăn. Chính vì điều này đã làm cho lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận sau thuế của Công ty giảm sút mạnh trong năm vừa qua.

Danh sách Ban điều hành

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|----------------|-------------------|-------------------------|--------------|
| 1 | Đặng Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc | - | - |
| 2 | Bùi Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc | 240.000 | 0,25% |
| 3 | Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | 225.000 | 0,24% |
| 4 | Nguyễn Thị Lam | Kế toán trưởng | - | - |

Những thay đổi trong Ban điều hành: không có

Lý lịch Ban điều hành

ÔNG ĐẶNG NGỌC SƠN

Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Ngày sinh: 19/06/1959

Trình độ chuyên môn: Cử nhân chế biến thủy sản

Chức vụ tại tổ chức khác :

- » Phó Tổng giám đốc CTCP Camimex Group
- » Thành viên HĐQT CTCP Camimex Foods
- » Thành viên HĐQT CTCP Xuất nhập khẩu Thủy sản Năm Căn

Quá trình công tác

| | | |
|--------------------------|---|---------------------------------|
| 1981 - 1994 | Công tác tại Công ty Xuất nhập Thủy sản Sóc Trăng | Phó giám đốc phụ trách sản xuất |
| 1995 - 1998 | CTCP Dầu khí Vũng Tàu | Phó giám đốc Kỹ thuật |
| 1998 - 2001 | Công ty cổ phần thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh | Chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc |
| 2001 - 2005 | Công ty TNHH An Hưng Bà Rịa Vũng Tàu | Giám đốc |
| 2005 - 2014 | CTCP thủy sản Phú Minh Hưng Quảng Ninh | Chủ tịch HĐQT kiêm giám đốc |
| 08/2014 - 07/2019 | Công ty Cổ phần Camimex Group | Thành viên HĐQT |
| 07/2019 - 04/2022 | CTCP Camimex Group | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD |
| 04/2022 - nay | CTCP Camimex Group | Phó Tổng giám đốc |
| 09/2020 - nay | CTCP Camimex | Thành viên HĐQT kiêm TGD |

ÔNG BÙI ĐỨC CƯỜNG

Phó Tổng Giám đốc kiêm thành viên HĐQT

Năm sinh: 07/04/1973

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác :

- » Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc CTCP Camimex Group
- » Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Camimex Foods

Quá trình công tác

| | | |
|--------------------------|---|--|
| 1997 - 2008 | CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú | Chuyên viên |
| 2009 - 02/2013 | Công ty TNHH MTV Quang Thuận - Ninh Thuận | Kế toán trưởng |
| 06/2013 - 02/2019 | CTCP TNHH Camimex | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |
| 06/2013 - nay | CTCP Camimex Group | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc |

ÔNG HUỲNH VĂN TẤN

Phó Tổng Giám đốc

Năm sinh: 21/04/1975

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế đối ngoại

Chức vụ tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc CTCP Camimex Group

Quá trình công tác

| | | |
|--------------------------------|---------------------------|------------------------------------|
| 2000 - 31/12/2001 | Công ty bút bi Thiên Long | Nhân viên thị trường |
| 2002 - 30/06/2013 | CTCP Camimex Group | Cán bộ |
| 01/07/2013 - 13/03/2019 | CTCP Camimex Group | Giám đốc kinh doanh |
| 14/03/2019 - nay | CTCP Camimex | Phó Tổng giám đốc |
| 15/05/2020 - nay | CTCP Camimex Group | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc |

Lý lịch Ban điều hành

BÀ NGUYỄN THỊ LAM

Kế toán trưởng

Năm sinh: 13/03/1988

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác : Phó phòng kế toán CTCP
Camimex Group

Quá trình công tác

| | | |
|--------------------------|------------------------------------|-------------------------|
| 10/2010 - 04/2014 | CTCP Camimex Group và CTCP Camimex | Nhân viên Phòng kế toán |
| 05/2014 - 05/2021 | CTCP Camimex Group và CTCP Camimex | Phó phòng kế toán |
| 06/2021 - 02/2023 | Công ty Cổ phần Camimex | Quyền Kế toán trưởng |
| 02/2023 - nay | Công ty Cổ phần Camimex | Kế toán trưởng |

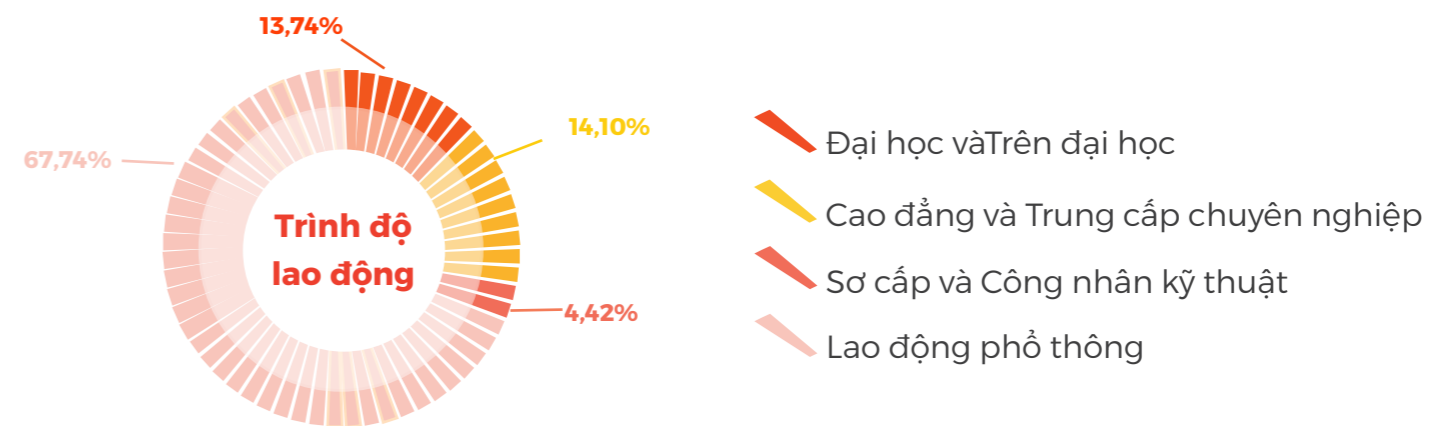
Số lượng cán bộ, nhân viên

| STT | Phân loại | Số lượng (người) | Tỷ trọng (%) |
|---------------------------------|-----------------------------------|------------------|--------------|
| I Theo trình độ lao động | | 1.426 | 100% |
| 1 | Đại học và trên Đại học | 196 | 13,74% |
| 2 | Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp | 201 | 14,10% |
| 3 | Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật | 63 | 4,42% |
| 4 | Lao động phổ thông | 966 | 67,74% |
| II Theo giới tính | | 1.426 | 100% |
| 1 | Nam | 642 | 45% |
| 2 | Nữ | 784 | 55% |
| III Theo thời hạn HĐLĐ | | 1.426 | 100% |
| 1 | Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm | 12 | 0,84% |
| 2 | Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm | 32 | 2,24% |
| 3 | Hợp đồng không xác định thời hạn | 1.382 | 96,91% |

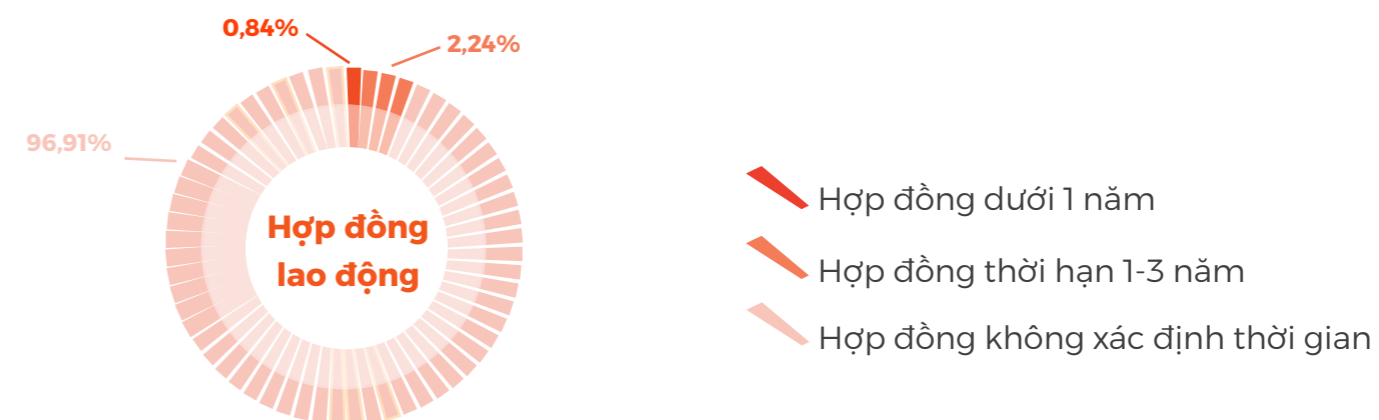
Thu nhập bình quân

| Chỉ tiêu nhân sự và thu nhập bình quân | NĂM 2023 |
|--|-----------|
| Tổng số lượng lao động (người) | 1.426 |
| Thu nhập bình quân (đồng/ người/tháng) | 7.900.000 |

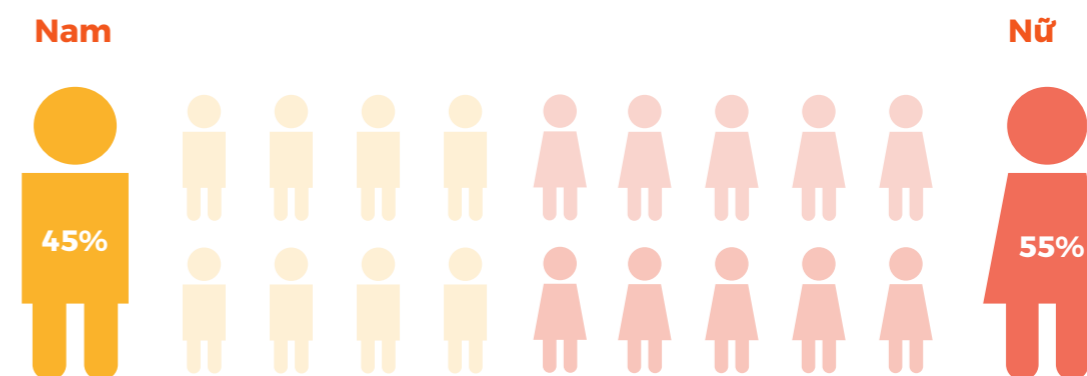
Trình độ lao động



Thời hạn hợp đồng lao động



Giới tính



“ Chính sách nhân sự



MÔI TRƯỜNG LÀM VIỆC

Người lao động được trang bị đầy đủ dụng cụ thiết bị và đồ bảo hộ lao động, môi trường làm việc luôn được đảm bảo an toàn, vệ sinh. Công ty luôn cung cấp những máy móc cần thiết cũng như tổ chức tập huấn hướng dẫn kỹ càng trong quá trình sản xuất.

Không gian làm việc trong các nhà máy, nhà xưởng và văn phòng làm việc luôn được giữ thoáng mát, sạch sẽ.



CHÍNH SÁCH TUYỂN DỤNG

Camimex luôn coi đội ngũ nhân sự là nòng cốt cho sự phát triển lâu dài, nên việc tuyển dụng là khâu quan trọng nhất để Công ty có thể lựa chọn nhân sự phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

Công ty ưu tiên tuyển người có trình độ chuyên môn cao và nhiều kinh nghiệm đáp ứng tốt nhất yêu cầu công việc, không phân biệt nam nữ, dân tộc và tình trạng hôn nhân.

Công ty tập trung tuyển dụng hướng đến chất lượng hơn là số lượng, đặc biệt chú trọng đến nhân sự có năng lực tốt và cam kết gắn bó lâu dài với công ty.

Quy trình tuyển dụng nhất quán, linh hoạt từ việc kiểm tra về lý lịch hồ sơ cho đến khi phỏng vấn và đánh giá năng lực thực tế, nhằm tạo điều kiện cho các ứng viên thể hiện tốt nhất khả năng của mình.



CHÍNH SÁCH ĐÀO TẠO

Việc chọn nhân sự phù hợp đã khó, việc giữ chân và đào tạo người tài càng khó hơn. CMM luôn đề cao vai trò của lực lượng lao động trong công ty và mong muốn đào tạo nên một nguồn nhân sự chất lượng cao. Ngoài ra, Công ty còn có các chương trình đào tạo nội bộ định kỳ về kỹ năng chuyên môn nhằm đáp ứng kịp thời những thay đổi về công nghệ.

Chính sách ủng hộ người lao động tích cực nâng cao trình độ và tạo điều kiện cho các cán bộ quản lý tham gia các khóa học nâng cao kiến thức chuyên môn cũng như kỹ năng quản lý.



CHÍNH SÁCH LƯƠNG, THƯỞNG VÀ PHÚC LỢI

Công ty chú trọng phát triển nguồn nhân lực có chất lượng, với mục tiêu nâng cao chất lượng chuyên môn và nghiệp vụ của nhân viên, Công ty đã xây dựng quy trình đào tạo khoa học, hệ thống phù hợp với tính chất từng nhóm công việc cho tất cả cán bộ công nhân viên, thường xuyên nâng cao kiến thức nhằm mang lại hiệu quả cao trong công việc:

Chế độ lương thưởng

1. Người lao động được hưởng lương tương xứng với những thành quả đóng góp và kết quả công việc đạt được, theo cơ chế thúc đẩy tiến độ làm việc và doanh thu mang về cho công ty.
2. Hệ số lương được tính dựa trên mức lương cơ bản và mức thưởng thêm cho người lao động làm việc vào các ngày nghỉ lễ và tăng ca ban đêm.
3. Đánh giá công việc hoàn thành được xếp loại theo thứ bậc dựa trên chất lượng công việc hoàn thành,
4. Khen thưởng định kỳ cho nhân viên có thành tích xuất sắc và có sáng kiến cải tiến kỹ thuật cũng như có đóng góp đáng kể cho Công ty.
5. Công khai tuyên dương và có thưởng đột xuất cho cán bộ công nhân viên và các tập thể vượt chỉ tiêu công việc đề ra.
6. Hỗ trợ điều kiện tốt nhất cho cuộc sống gia đình của mỗi người lao động khi có chương trình khuyến khích học tập cho con em cán bộ công nhân viên đạt loại khá giỏi hàng năm.

Chế độ phúc lợi

1. Người lao động được hưởng toàn bộ các chế độ bảo hiểm đảm bảo an toàn lao động theo đúng quy định của pháp luật như: BHXH, BHYT, BHTN.
2. Các chế độ ngày nghỉ phép, nghỉ thai sản, ốm đau đều được công ty áp dụng đầy đủ cho toàn bộ cán bộ công nhân viên theo quy định của Bộ Lao động.
3. Công ty hỗ trợ tiền ăn trưa, chỗ ở nghỉ ngơi cho công nhân viên làm việc tăng ca. Công ty còn phụ cấp phí đi lại; trợ cấp điện thoại, nhà ở, tiếp khách; trợ cấp thôi việc; phụ cấp nuôi con nhỏ; hỗ trợ tiền giữ xe; thưởng lương tháng 13 cuối năm.



TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ, TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất

Năm 2023, CMM thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy Xí nghiệp 1, nâng cao năng lực sản xuất để đáp ứng nhu cầu cao của thị trường. Một số thông tin về nhà máy như sau:

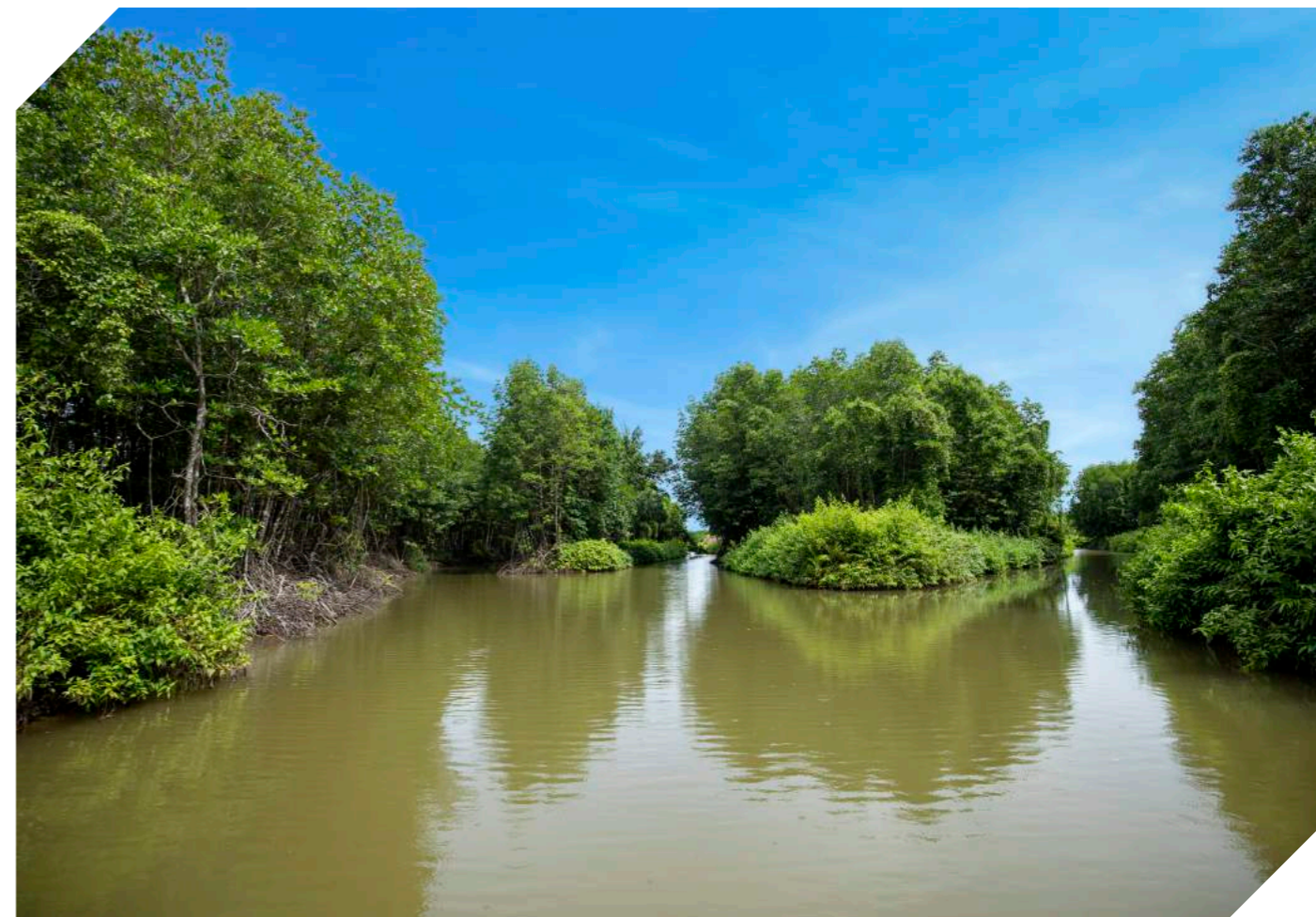
-  **Tên dự án** Dự án Xí nghiệp 1 thuộc CTCP Camimex
-  **Chủ đầu tư** CTCP Camimex
-  **Địa điểm thực hiện dự án** 999 Lý Thường Kiệt, Phường 6, TP. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau (khu đất Zone 1 có diện tích 2,5ha). Hiện nay khu đất này đang có nhà máy Xí nghiệp 5 với công suất hoạt động khoảng 8.000 tấn thành phẩm/năm. Nhà máy Xí nghiệp 1 dự kiến xây dựng có diện tích 4.000 m²
-  **Tổng vốn đầu tư dự án** 303,5 tỷ đồng từ vốn vay và vốn tự có, trong đó xây dựng cơ bản chiếm 42,9% tổng vốn đầu tư. Máy móc thiết bị: 57,1% tổng vốn đầu tư.
-  **Mục đích xây dựng nhà máy** Để đáp ứng nhu cầu đang ngày càng tăng cao cho mặt hàng tôm tầm bột, tôm tempura (gọi chung là hàng Giá trị gia tăng) từ các nước Châu Âu, CMM thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy Xí nghiệp 1 chuyên sản xuất hàng Giá trị gia tăng với công suất dự kiến 8.000 tấn sản phẩm/năm (có thể dao động tùy cơ cấu mặt hàng)
-  **Thời gian hoạt động** Nhà máy hoạt động vào cuối 2023 - Q1.2024

Đầu tư vào công ty con

Năm 2019, CMM đã tham gia đầu tư tại Công ty TNHH Camimex Organic với tổng vốn đầu tư 40 tỷ đồng, tương ứng 79,21% vốn điều lệ của Công ty TNHH Camimex Organic (CMO)

CMO là công ty chuyên gây trồng và cung cấp các sản phẩm giống tôm nguyên liệu và tôm sinh thái cho CMM. CMO hiện đang quản lý vùng nuôi tôm sinh thái rộng 300ha cùng công nghệ, kỹ thuật nuôi tôm sinh thái tiên tiến, đảm bảo chất lượng các sản phẩm cung cấp cho CMM. Đây cũng là thế mạnh cạnh tranh của CMM khi khâu sản xuất được kiểm soát khép kín từ nhập nguyên liệu con giống, vùng nuôi trồng và cung cấp sản phẩm từ chuỗi khép kín này.

Dự kiến sau khi hoàn thiện xây dựng xong nhà máy sản xuất Xí nghiệp 1, tổng công suất sản xuất của Camimex có thể lên hơn 24.000 tấn/năm với sản lượng mục tiêu năm 2024 là 6.000 tấn.



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tổng quan tình hình tài chính

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu | Năm 2022 | Năm 2023 | % Tăng/giảm |
|-----|---|-----------|-----------|-------------|
| 1 | Tổng tài sản | 2.214.199 | 2.745.916 | 24,01% |
| 2 | Doanh thu thuần | 2.414.196 | 1.913.449 | -20,74% |
| 3 | Lợi nhuận gộp | 329.391 | 254.506 | -22,73% |
| 4 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 121.090 | 58.762 | -51,47% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | 120.989 | 51.487 | -57,44% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | 106.911 | 44.784 | -58,11% |
| 7 | Tỷ lệ trả cổ tức (*) | - | - | - |

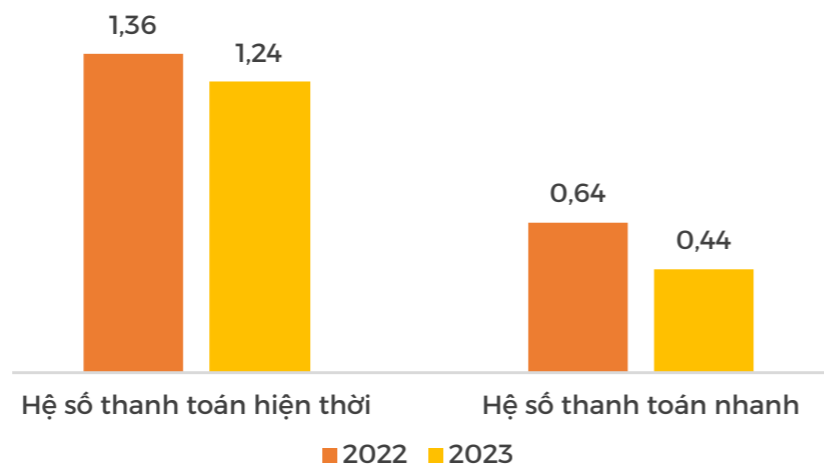
Các chỉ tiêu tài chính

| Chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2022 | Năm 2023 |
|---|-----|----------|----------|
| Chỉ tiêu về khả năng thanh toán | | | |
| Hệ số thanh toán hiện thời | Lần | 1,36 | 1,24 |
| Hệ số thanh toán nhanh | Lần | 0,64 | 0,44 |
| Chỉ tiêu về cơ cấu nguồn vốn | | | |
| Hệ số Nợ/Tổng tài sản | % | 56,37 | 63,19 |
| Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | % | 129,19 | 171,64 |
| Chỉ tiêu về năng lực hoạt động | | | |
| Vòng quay hàng tồn kho | Lần | 2,41 | 1,79 |
| Vòng quay tổng tài sản | Lần | 1,17 | 0,77 |
| Chỉ tiêu về khả năng sinh lời | | | |
| Tỷ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần | % | 4,43 | 2,34 |
| Tỷ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 11,63 | 3,06 |
| Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân | % | 5,17 | 1,81 |
| Tỷ số lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân | % | 5,02 | 4,53 |

Các chỉ tiêu tài chính

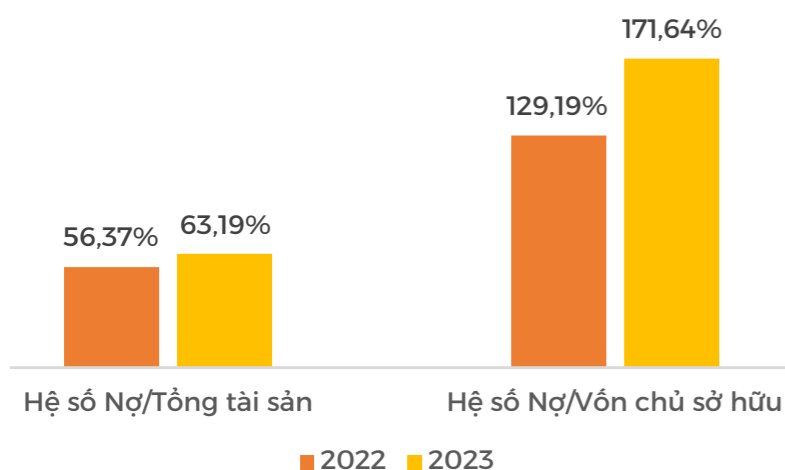
← KHẢ NĂNG THANH KHOẢN

Khả năng thanh khoản của Camimex đã giảm trong năm 2023 do tốc độ tăng của nợ ngắn hạn cao hơn tài sản ngắn hạn trong năm vừa rồi. Hệ số thanh toán hiện thời tuy giảm nhưng vẫn giữ ở mức lớn hơn 1, đảm bảo cho khả năng thanh toán trong ngắn hạn của Công ty. Nguyên nhân do (1) Công ty đã tiến hành vay tài chính chủ yếu từ các ngân hàng thương mại nhằm bổ sung nguồn vốn lưu động, chi trả cho các nghĩa vụ ngắn hạn; (2) Công ty gia tăng các khoản mua chịu từ các nhà cung ứng để chủ động dự trữ nguồn cung nguyên liệu chờ đợi cơ hội.



Đây cũng là nguyên nhân lớn khiến cho hàng tồn kho của Công ty tăng hơn 45% và làm cho hệ số thanh toán nhanh sụt giảm. Do hàng tồn kho luôn có một tỷ trọng lớn trong cơ cấu tài sản ngắn hạn của Công ty, nên làm cho hệ số thanh toán nhanh luôn nhỏ hơn 1 và chênh lệch lớn so với hệ số thanh toán hiện thời.

← CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

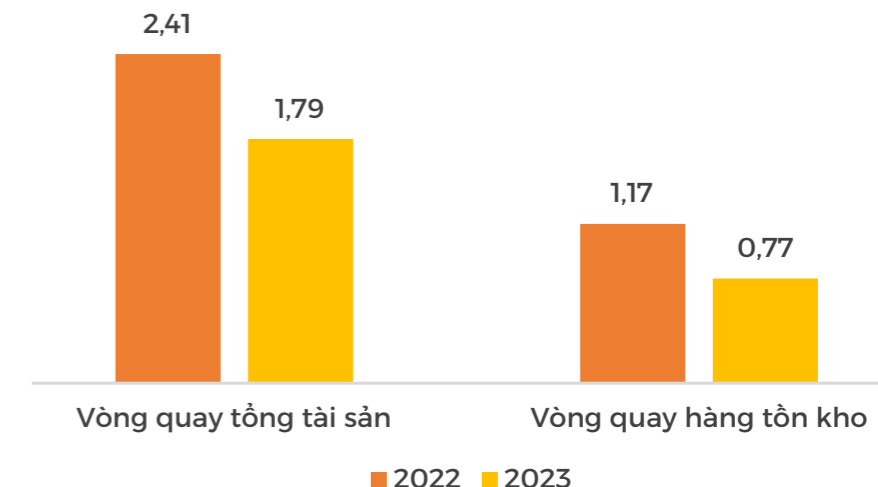


Cơ cấu nguồn vốn của Công ty năm 2023 vẫn không có sự thay đổi lớn khi Nợ vẫn chiếm tỷ trọng lớn hơn so với vốn chủ sở hữu, thậm chí đã tăng lên 62,7% chủ yếu đến từ nợ dài hạn. Trong năm 2023, Công ty đã thuê tài chính từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng và các công ty tài chính khác nhằm tận dụng bối cảnh lãi suất thấp trong năm qua để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh. Bên cạnh đó, vốn chủ sở hữu đã tăng nhẹ do trong năm vừa rồi Công ty mới phát hành thêm cổ phiếu nhằm vốn góp trong Công ty.

Tuy nhiên, mức tăng vẫn khá thấp do Công ty đã trích phần lớn lợi nhuận giữ lại để đầu tư mở rộng nhà máy và dây chuyền sản xuất trong năm vừa rồi. Mặc dù cơ cấu vốn của Công ty vẫn ở mức khá an toàn, tuy nhiên, xu hướng gia tăng liên tục của các hệ số nợ qua các năm có thể sẽ tạo ra áp lực tài chính trong tương lai. Chính vì thế, Công ty luôn cân nhắc sử dụng vốn hợp lý, đồng thời duy trì sự ổn định tài chính và cung cấp nguồn tài nguyên cần thiết để thực hiện các kế hoạch phát triển trong giai đoạn sắp tới.

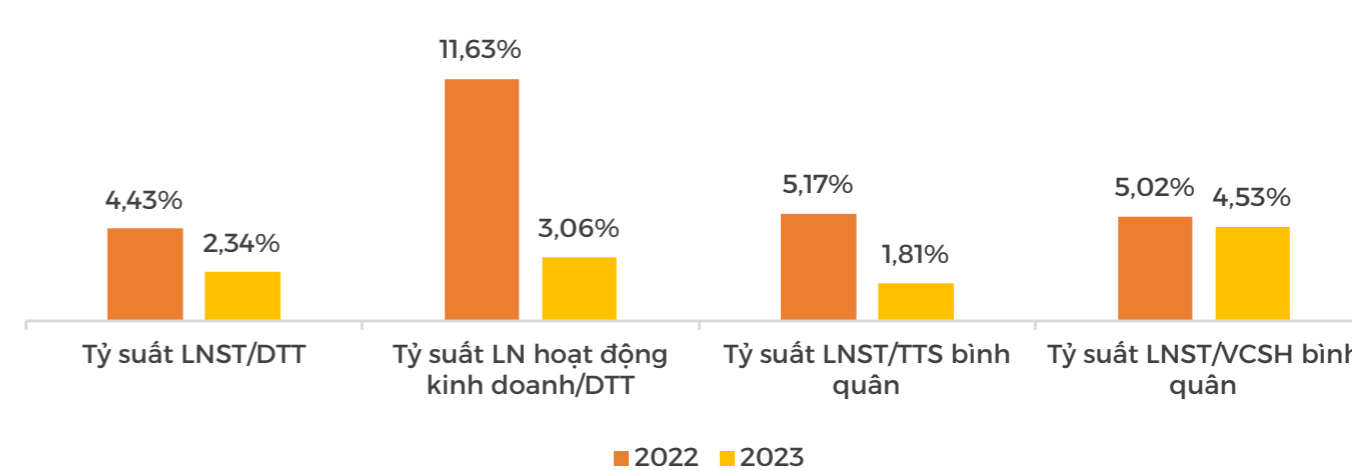
← CHỈ TIÊU VỀ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Hoạt động quản trị hàng tồn kho của Công ty trong năm vừa qua đã bị ảnh hưởng do doanh thu giảm khi hệ số vòng quay hàng tồn kho đã giảm từ 2,41 xuống 1,79, góp phần làm cho hệ số hiệu quả sử dụng tài sản khi vòng quay giảm từ 1,17 xuống 0,77. Trong năm qua, Công ty đã tích cực thu mua nguyên liệu thành phẩm nhờ lợi thế nguồn cung rộng lớn và giá đầu vào rẻ, nên Công ty đã tập trung vào thế mạnh của mình là hoạt động bán thành phẩm nhằm duy trì lợi thế cạnh tranh trong bối cảnh nhu cầu thị trường suy giảm.



Doanh thu của Công ty trong năm qua tuy giảm nhưng tổng tài sản lại tăng trưởng 24,01%, chủ yếu từ tài sản dài hạn. Điều này cho thấy đang sử dụng tài sản dài hạn hiệu quả hơn để đầu tư và tạo ra doanh thu tăng trưởng bền vững và kiểm soát tốt hơn các hoạt động kinh doanh của mình, giúp dễ dàng theo dõi hiệu quả sử dụng tài sản và đưa ra các quyết định quản lý hiệu quả hơn.

← CHỈ TIÊU VỀ KHẢ NĂNG SINH LỜI



Việc lợi nhuận đã giảm trong năm 2023 đã làm suy giảm khả năng sinh lời của Camimex khi lần lượt biên lợi nhuận ròng và biên lợi nhuận hoạt động kinh doanh đã lần lượt giảm xuống mức 2,34% và 3,06%. Lợi nhuận sau thuế giảm đến từ sự sụt giảm doanh thu do tình hình kinh tế khó khăn. Bên cạnh đó, lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh ghi nhận sự sụt giảm hơn gấp đôi, chủ yếu do mức giảm lớn từ doanh thu tài chính. Điều này cũng làm giảm hiệu quả sử dụng nguồn vốn để tạo lợi nhuận trong Công ty khi cả ROE và ROA đều ghi nhận mức giảm. Trong khi ROE chỉ ghi nhận mức giảm nhẹ từ 5,02% xuống còn 4,53% trong năm 2023 thì ROA lại có mức sụt giảm lớn từ 5,17% xuống 1,18% do tổng tài sản đã tăng lên từ các hoạt động đầu tư mở rộng hệ thống nhà máy trong năm vừa qua.



CƠ CẤU CỔ ĐÔNG

VÀ TÌNH HÌNH THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ

Cổ phiếu



Tổng số cổ phiếu đã phát hành: **94.499.998**

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: **94.499.998**

Số lượng cổ phiếu đang chuyển nhượng tự do: **88.449.998**

Số lượng cổ phiếu hạn chế chuyển nhượng: **6.050.000**

Số lượng cổ phiếu quỹ: **không có**

Mệnh giá cổ phiếu: **10.000 đồng**

Loại cổ phiếu: **Cổ phiếu phổ thông**

Cơ cấu cổ đông

| STT | Loại cổ đông | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ |
|------------------|---------------------------|------------------|--------------------------|-------------|
| I | Cổ đông trong nước | 208 | 94.499.998 | 100% |
| 1 | Cổ đông Nhà nước | - | - | - |
| 2 | Cổ đông cá nhân | 206 | 22.027.298 | 23,31% |
| 3 | Cổ đông tổ chức | 2 | 72.472.700 | 76,69% |
| II | Cổ đông nước ngoài | - | - | - |
| 1 | Cá nhân | - | - | - |
| 2 | Tổ chức | - | - | - |
| Tổng cộng | | 208 | 94.499.998 | 100% |

Danh sách cổ đông lớn

| STT | Tên | Địa chỉ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ |
|-----|-------------------------------|---|--------------------------|--------|
| 1 | Công ty Cổ phần Camimex Group | 333 đường Cao Thắng, khóm 7, P.8, Tp. Cà Mau, Tỉnh Cà Mau | 72.472.500 | 79,69% |

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài: 0%

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa tại CTCP Camimex là 0% căn cứ theo Công văn số 3924/UBCK-PTTT ngày 23/06/2022 của UBCKNN.

Giao dịch cổ phiếu quỹ: không có

Giao dịch các chứng khoán khác:

Thực hiện Nghị quyết số 2602/2021/NQ/HĐQT ngày 26/02/2021 của Hội đồng quản trị CTCP Camimex, Công ty đã thực hiện phát hành 1.000.000 trái phiếu riêng lẻ (mệnh giá 100.000 đồng) để bổ sung vốn lưu động (mua nguyên vật liệu sản xuất) với kỳ hạn 02 năm kể từ ngày phát hành. Lô trái phiếu này đã đáo hạn vào Quý I/2023 (ngày 11/03/2023). Toàn bộ gốc và lãi trái phiếu đã được CMM thanh toán đầy đủ cho trái chủ.

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: Đồng

| Thời gian hoàn thành đợt phát hành | Vốn điều lệ trước khi tăng thêm | Thực góp tăng thêm | Vốn điều lệ thực góp sau tăng vốn | Hình thức tăng vốn | Cơ sở pháp lý |
|------------------------------------|---------------------------------|--------------------|-----------------------------------|--|---|
| I. CÔNG TY TNHH | | | | | |
| 06/2013 | | - | 344.784.521.653 | CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (hiện nay là Camimex Group): góp vốn bằng tài sản, tiền | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp lần đầu ngày 06/06/2013 |
| 01/2017 | 344.784.521.653 | 70.215.478.347 | 415.000.000.000 | CTCP Chế biến thủy sản và XNK Cà Mau (hiện nay là Camimex Group) góp vốn bằng công nợ (60,5 tỷ đồng) và chi phí xây dựng dở dang (hơn 9,665 tỷ đồng). Ông Bùi Sĩ Tuấn góp vốn bằng tiền mặt: 50 triệu đồng. | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 5 ngày 13/01/2017 |
| 10/2018 | 415.000.000.000 | 1.800.000.000 | 416.800.000.000 | CTCP Camimex Group góp vốn bằng tiền | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 9 ngày 24/10/2018 |
| II. CÔNG TY CỔ PHẦN | | | | | |
| 02/2019 | 416.800.000.000 | 98.200.000.000 | 515.000.000.000 | Chào bán riêng lẻ: 6.000.000 cổ phiếu; Phát hành thưởng cho cán bộ nhân viên: 3.820.000 cổ phiếu | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 10 ngày 14/02/2019 |
| 08/2019 | 515.000.000.000 | 40.000.000.000 | 555.000.000.000 | Chào bán riêng lẻ: 4.000.000 cổ phiếu | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 11 ngày 08/08/2019 |
| 03/2020 | 555.000.000.000 | 25.000.000.000 | 580.000.000.000 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 2.500.000 cổ phiếu | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp thay đổi lần thứ 12 ngày 30/03/2020 |
| 06/2020 | 580.000.000.000 | 50.000.000.000 | 630.000.000.000 | Chào bán cho cổ đông hiện hữu: 5.000.000 cổ phiếu | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 13 ngày 11/06/2020 |
| 07/2023 | 630.000.000.000 | 314.999.980.000 | 944.999.980.000 | Phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu | Giấy CN ĐKDN số 2001122903 do Sở KH&ĐT tỉnh Cà Mau cấp, thay đổi lần thứ 14 ngày 01/08/2023 |

BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp

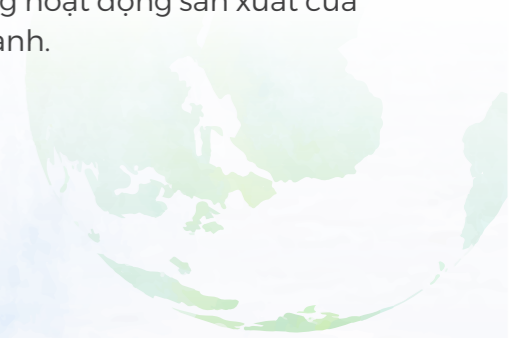
Ngành nuôi trồng thủy sản đóng vai trò ngày càng quan trọng trong việc góp phần phát triển nền kinh tế ở Việt Nam không chỉ vì lợi ích kinh tế mà còn nhiều cơ hội việc làm được tạo ra cho người dân. Tuy nhiên đi kèm với điều đó, hoạt động nuôi tôm còn góp phần gây ra những tác động tiêu cực đến môi trường do phát thải khí nhà kính (GHG) và làm trái đất nóng lên, góp phần làm gia tăng những tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu. Các hóa chất và chất kháng sinh dư thừa từ quá trình mở rộng quy mô nuôi và chăm sóc tôm sẽ tích tụ dần theo thời gian và làm môi trường xung quanh ngày càng tệ đi. Ngoài ra, các khí thải từ việc sử dụng điện và xăng dầu từ các cơ sở sản xuất như máy bơm, máy sục khí, quạt nước,... sẽ là những nguyên nhân gián tiếp dẫn đến lượng khí thải CO₂ ra môi trường. Tuy lượng khí thải nhà kính trong quá trình sản xuất tôm thành phẩm là không ít nhưng Công ty luôn theo dõi và duy trì lượng phát thải ở mức an toàn.

- » Hệ số phát thải CO₂: **12.340,4 tấn CO₂/MWh**
- » Quy đổi hệ số phát thải đối với điện lưới: **0,8041**

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính

Công ty tuân thủ nghiêm ngặt các quy định về phòng chống ô nhiễm theo tiêu chuẩn ISO 14001:2015. Đồng thời, Công ty cũng đã thực hiện các biện pháp cụ thể để ngăn chặn ô nhiễm môi trường, dựa trên hướng dẫn của các cơ quan quản lý môi trường địa phương. Các biện pháp này bao gồm việc tiến hành đánh giá tác động môi trường và cam kết tuân thủ đúng các quy định cam kết đã được đưa ra.

Mỗi năm, Công ty tiến hành quan trắc môi trường định kỳ 4 lần. Các kết quả từ quan trắc này được đánh giá theo các tiêu chuẩn của Quy chuẩn Việt Nam (QCVN) hiện hành. Kết quả này đã luôn duy trì trong các giới hạn cho phép, đảm bảo rằng hoạt động sản xuất của Công ty gần như không gây ảnh hưởng đến môi trường xung quanh.



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (Tiếp theo)

Tiêu thụ nhiên liệu và điện năng

Công ty luôn đầu tư mở rộng quy mô sản xuất của nhà máy và áp dụng công nghệ tiên tiến theo tiêu chuẩn của Nhật Bản. Các công nghệ này giúp tối ưu hóa hệ thống truyền động, tiết kiệm nhiên liệu và điện năng. Nhờ đó, hiệu quả sản xuất được nâng cao, tiêu thụ năng lượng giảm và môi trường được bảo vệ. Ngoài ra, công ty còn có hệ thống truyền động tiên tiến dành cho máy móc và thiết bị giúp tiết kiệm nhiên liệu, năng lượng và giảm lượng khí thải.

Năng lượng điện tiêu thụ trong năm: **15.346.825 kWh**

Báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng

Trong quá trình sản xuất và lưu kho tôm thành phẩm, Camimex đã tích cực thực hiện các biện pháp để giảm thiểu tối đa khí phát thải ra môi trường như:

- » Sử dụng năng lượng tái tạo, chẳng hạn như điện mặt trời, điện gió, biogas...
- » Cải thiện hệ thống chiếu sáng và điều hòa nhiệt độ trong các nhà máy chế biến thủy sản.
- » Sử dụng các thiết bị tiết kiệm năng lượng trong các hoạt động nuôi trồng thủy sản.
- » Sử dụng giống thủy sản có khả năng thích ứng cao: Giống thủy sản có khả năng thích ứng cao với môi trường sẽ giúp giảm nhu cầu sử dụng năng lượng, thức ăn và thuốc thú y, từ đó giảm phát thải khí nhà kính.
- » Giảm thiểu chất thải từ nuôi trồng thủy sản, bằng việc xử lý chất thải hữu cơ bằng các phương pháp sinh học, thu gom và xử lý chất rắn và chất thải lỏng đúng quy định, sử dụng các loại thức ăn có hàm lượng dinh dưỡng cao tối ưu hóa lượng thức ăn và áp dụng các thiết bị cho ăn tự động, giúp tối ưu hóa lượng thức ăn.

Các biện pháp xử lý chất thải

Kể từ khi thành lập đến nay, công ty luôn đảm bảo thu hồi hoàn toàn chất thải phát sinh trong hoạt động kinh doanh và tuân thủ mọi quy định bảo vệ môi trường, cũng như chưa ghi nhận bất cứ trường hợp bị cơ quan nhà nước xử phạt nào về vấn đề môi trường. Nhờ đó, công ty vẫn giữ được uy tín tốt trên thị trường.

Tiêu thụ nước

Công ty luôn đảm bảo tuân thủ các quy định liên quan đến sử dụng và tiêu thụ nước trong quá trình sản xuất, nước thải sinh hoạt từ hoạt động kinh doanh được hệ thống lọc sạch trước khi thải ra môi trường. Kể từ khi đi vào hoạt động, toàn bộ hệ thống xử lý nước thải của nhà máy đều được chứng nhận chất lượng và nhận đánh giá tích cực từ Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Sử dụng công nghệ chế biến của Nhật Bản, tôm được đưa vào từng bàn chế biến mẽ thông qua băng tải, quá trình lắng giúp xử lý nước tối ưu để tái sử dụng nước, giúp tiết kiệm chi phí.

Tổng lượng nước tiêu thụ: **246.004 m³**



BÁO CÁO TÁC ĐỘNG LIÊN QUAN ĐẾN MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI (Tiếp theo)

Tác động liên quan đến xã hội và cộng đồng

Chính sách liên quan đến người lao động

Số lượng lao động và Thu nhập bình quân đối với người lao động:

- » Tổng số cán bộ công nhân lao động toàn công ty: **1.426 người**
- » Thu nhập bình quân đạt: **7.900.000 đồng/ người/ tháng**

Chính sách lao động đảm bảo phúc lợi của người lao động

Công ty luôn đề cao vai trò của người lao động, nên việc đảm bảo an toàn lao động và sức khỏe người lao động luôn được ưu tiên hàng đầu. Các nhà máy sản xuất luôn được giữ khô ráo bằng công nghệ xử lý của Nhật Bản để đảm bảo sức khỏe cho nhân viên cũng như người lao động được trang bị các thiết bị làm việc đầy đủ và thiết bị an toàn lao động. Ngoài ra, văn phòng làm việc còn được giữ vệ sinh sạch sẽ luôn được trang bị các máy móc công nghệ phù hợp với tính chất công việc.

Các chế độ nghỉ lễ, nghỉ ốm đau, thai sản được thực hiện theo đúng quy định của Luật Lao động. Công ty muốn thúc đẩy tính sáng tạo, hiệu quả làm việc nên luôn có chế độ thưởng hàng năm nhằm khuyến khích người quản lý và nhân viên làm việc tích cực. Thêm vào đó, công ty còn có chính sách khen thưởng đặc biệt dành cho các tập thể hoặc cá nhân xuất sắc hoàn thành tốt công việc, có sáng kiến trong công việc. Ngoài ra, công ty còn có chương trình khen thưởng cho con em cán bộ công nhân viên có thành tích xuất sắc hàng năm.

Hoạt động đào tạo người lao động

Với mục đích hỗ trợ nâng cao trình độ cho nhân viên đáp ứng yêu cầu kinh doanh của từng bộ phận, công ty chúng tôi thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo nội bộ. Ngoài ra, công ty còn tiến hành quy trình đánh giá năng lực hàng năm để đưa ra lộ trình rõ ràng để tiến bộ. Quá trình này không chỉ giúp tiết kiệm thời gian, chi phí tuyển dụng người mới mà còn nâng cao tính đoàn kết trong nội bộ



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm cộng đồng địa phương

Ngoài việc tập trung vào hoạt động kinh doanh chính hiện tại theo quy định của chính phủ, công ty còn hướng tới sự phát triển bền vững trong dài hạn trong việc đóng góp vào các hoạt động cộng đồng địa phương. Đặc trưng là các hoạt động mà công ty đang làm như:

- » Tạo môi trường làm việc an toàn cho người lao động theo quy định
- » Hoạt động kinh doanh tuân thủ các quy định của Chính phủ.
- » Hỗ trợ phát triển nuôi trồng thủy sản của ngư dân thông qua các chương trình đào tạo kỹ thuật và giám sát môi trường nhằm nâng cao chất lượng sản xuất.

Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN

Công ty hiện không có hoạt động thị trường vốn xanh. Tuy nhiên, CAMIMEX rất quan tâm theo dõi thông tin liên quan đến hoạt động này và sẽ tích cực tham gia nếu có hướng dẫn cụ thể từ Ủy ban chứng khoán nhà nước.

03 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Tổng quan hoạt động kinh doanh năm 2023

ĐVT: Triệu đồng

| STT | Chỉ tiêu kinh doanh | TH 2022 | KH 2023 | TH 2023 | % TH2023/TH2022 | % TH2023/KH2023 |
|-----|----------------------|-----------|-----------|-----------|-----------------|-----------------|
| 1 | Tổng doanh thu | 2.414.196 | 2.391.000 | 1.913.449 | 79,26% | 80,03% |
| 2 | Lợi nhuận trước thuế | 120.989 | 111.700 | 51.487 | 42,56% | 46,09% |
| 3 | Lợi nhuận sau thuế | 106.911 | 100.500 | 44.784 | 41,89% | 44,56% |

Với định hướng của Ban lãnh đạo và sự nỗ lực của tập thể công nhân viên Camimex, kết quả kinh doanh năm 2023 tuy không đạt được như kế hoạch đã đề ra khi hoạt động sản xuất kinh doanh đều ghi nhận sự sụt giảm do tình hình khó khăn của nền kinh tế và sức ép cạnh tranh của các nước xuất khẩu tôm trên thị trường quốc tế. Tình trạng dư thừa nguồn cung và lạm phát tăng cao tại các thị trường xuất khẩu tôm chính của CMM như Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản đã khiến khiến người tiêu dùng thắt chặt chi tiêu, từ đó làm giảm doanh thu xuất khẩu của CMM khi đây là nguồn doanh thu chính của Công ty. Điều này có thể nhận thấy rõ qua việc kim ngạch xuất khẩu và giá bán xuất khẩu tôm của nước ta sang các thị trường mục tiêu năm vừa qua đang có xu hướng giảm (theo Hiệp hội Chế biến và Xuất khẩu Thủy sản Việt Nam). Đây là các nguyên nhân khách quan từ bối cảnh chung nên kết quả kinh doanh trong năm 2023 cũng là sự nỗ lực hoạt động đáng kể của tập thể Công ty khi vẫn ưu tiên duy trì tốt hoạt động sản xuất để hạn chế những tác động tiêu cực từ bối cảnh kinh tế và đảm bảo các nguồn vốn vay ngắn hạn hợp lý để không xảy ra các rủi ro lãi suất.

Dự báo nhu cầu tôm tại Châu Âu và Hàn Quốc sẽ phục hồi tích cực từ năm 2024 nhờ khả năng chi tiêu của người tiêu dùng cải thiện, do lạm phát hạ nhiệt và nguồn cung tôm sẽ được thắt chặt và dần mở rộng tích cực hơn trong nửa cuối năm 2024 khi nhu cầu tôm toàn cầu phục hồi. Tuy nhiên, vẫn có thể tồn tại nguy cơ phục hồi chậm do áp lực tồn kho tại Châu Âu đang ở mức cao và sự mất giá mạnh của đồng JPY chưa có dấu hiệu cải thiện trong năm 2024.



Tình hình hoạt động và vị thế cạnh tranh

ĐIỂM MẠNH

Uy tín thương hiệu: CMM được hưởng lợi từ uy tín lâu đời và hệ sinh thái của công ty mẹ Camimex Group, đặc biệt là hệ sinh thái từ quy trình sản xuất, nuôi trồng con giống đến việc sản xuất chế biến tôm xuất khẩu.

Đội ngũ lãnh đạo: Ban Lãnh đạo có nhiều năm gắn bó với Công ty cũng như có nhiều kinh nghiệm trong việc nuôi trồng và chế biến tôm.

Chất lượng nhân sự: Cán bộ công nhân viên được tuyển chọn cẩn thận và được đào tạo bài bản nên có trình độ tay nghề cao, cũng như sự cam kết gắn bó lâu dài.

Khả năng chủ động nguồn nguyên liệu cao: hơn 90% tôm nguyên liệu của CMM đều được mua trong nước nên hạn chế được rủi ro biến động giá nhập khẩu từ các biến động kinh tế. Công ty còn hoạt động ngay tại vùng tôm nguyên liệu Cà Mau, Bạc Liêu,... nên Công ty có thể dễ dàng lựa chọn nhiều đại lý uy tín với chất lượng tôm thu mua cao.

THUẬN LỢI

Hỗ trợ xuất khẩu: Tôm xuất khẩu được miễn hoàn toàn thuế từ Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU (EVFTA).

Hỗ trợ từ nhà nước: Thủy hải sản là ngành xuất khẩu chủ lực của Việt Nam được Nhà nước tạo nhiều điều kiện phát triển như giảm lãi suất và hỗ trợ nông dân nuôi trồng thủy sản và hỗ trợ xuất khẩu thủy sản.

Lợi thế sản xuất nội địa: ngành tôm Việt Nam có thể sản xuất các sản phẩm có giá trị gia tăng với nguồn công nhân lành nghề sử dụng công nghệ xử lý tiên tiến.

Điều kiện nuôi trồng tự nhiên thuận lợi: bờ biển Việt Nam trải dài hơn 3.260 km cùng với vùng đặc quyền kinh tế biển hơn 1 triệu km² và hệ thống sông ngòi rộng lớn, đầm phá dày đặc. Với đặc điểm như vậy, tiềm năng phát triển ngành thủy sản là vô cùng lớn.

ĐIỂM YẾU

Đòn bẩy tài chính cao: CMM luôn duy trì nguồn vốn vay ở mức khá cao và chiếm cơ cấu cao nhất trong cơ cấu tài sản, nhằm phục vụ nhu cầu thu mua nguyên liệu. Thế nên, Công ty luôn có rủi ro vỡ nợ nếu không kiểm soát tốt cấu trúc nợ vay.

Khả năng cạnh tranh hạn chế: với tuổi đời thành lập còn khá trẻ so với các Công ty khác trong cùng ngành có lợi thế về vốn đầu tư và công nghệ, CMM khó có thể cạnh tranh trực tiếp nếu không tập trung nghiên cứu chất lượng sản phẩm.

KHÓ KHĂN

Hạn chế nguồn vốn: hạn mức ngân hàng cấp cho các công ty thủy sản trong các năm qua còn hạn chế, trong khi đặc thù ngành này luôn cần một lượng vốn lớn để duy trì hoạt động sản xuất.

Giá xuất khẩu thấp: giá xuất khẩu tôm sang Châu Âu, Mỹ và Nhật Bản đang duy trì ở vùng giá thấp, điều này có thể làm giảm doanh thu của các công ty xuất khẩu thủy sản.

Chi phí vận chuyển tăng: Do căng thẳng tại Biển Đỏ, chi phí vận chuyển từ Việt Nam đến thị trường Mỹ và Châu Âu đã tăng cao. Các công ty xuất khẩu có thể phải đối mặt với việc chi phí bán hàng tăng cao hoặc giá bán thấp hơn.

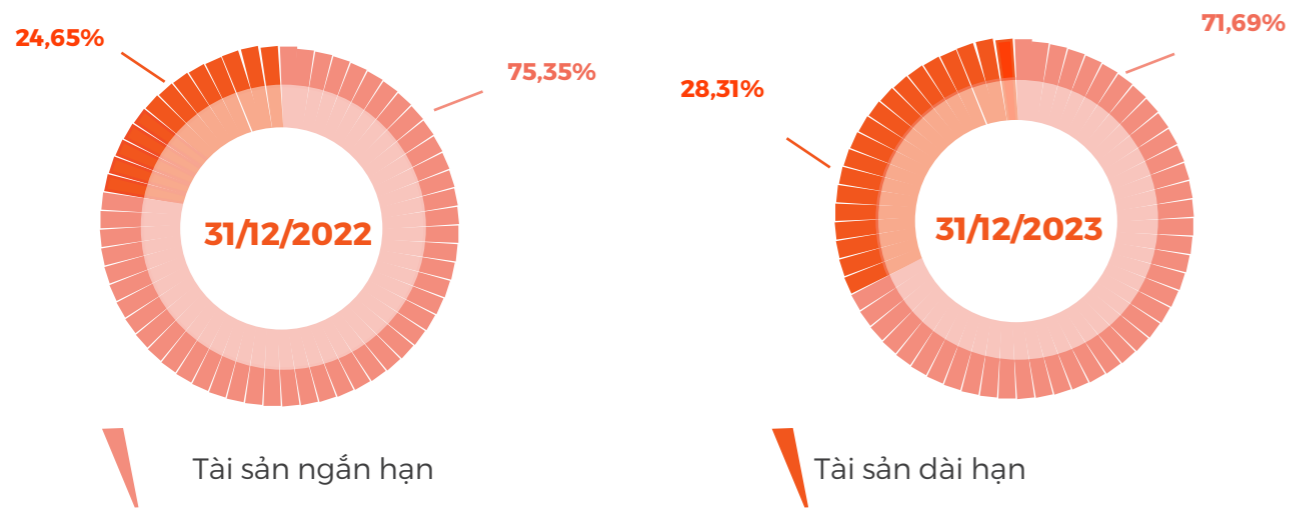


TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Tình hình tài sản

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | %2023/2022 |
|---------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Tài sản ngắn hạn | 1.668.493 | 75,35% | 1.968.621 | 71,69% | 117,99% |
| Tài sản dài hạn | 545.706 | 24,65% | 777.295 | 28,31% | 142,44% |
| Tổng tài sản | 2.214.199 | 100% | 2.745.916 | 100% | 124,01% |



Tổng tài sản cuối năm 2023 đạt mức 2.745.916 triệu đồng, tăng trưởng 24,01% so với năm ngoái. Trong đó, cơ cấu tài sản vẫn không có sự thay đổi khi tài sản ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng cao nhất với 71,69% và phần còn lại là tài sản dài hạn chiếm 28,31% trong năm 2023.

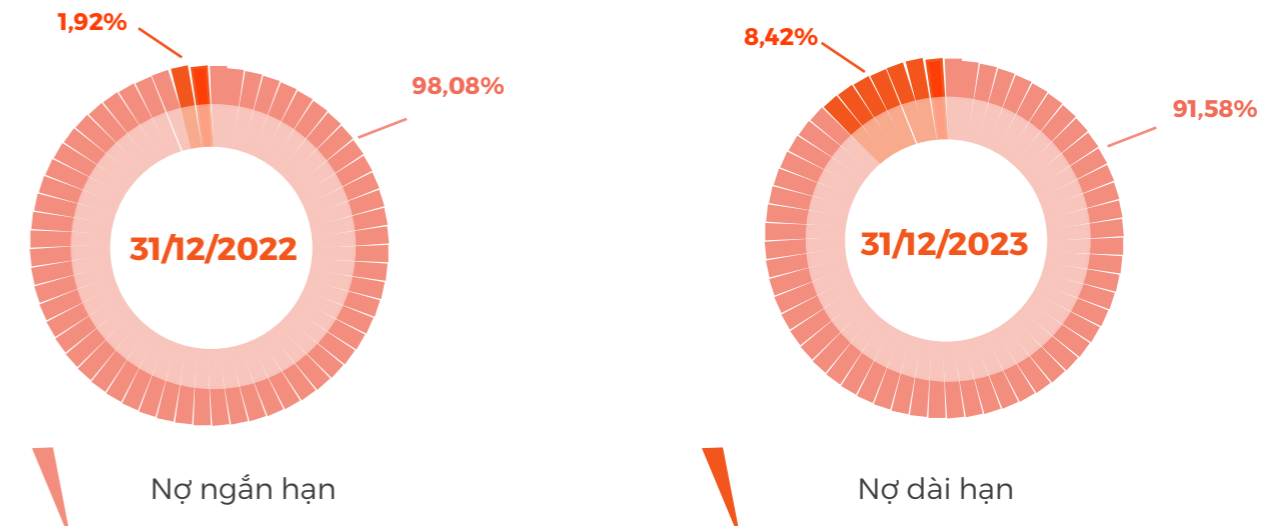
Tài sản ngắn hạn đã có sự tăng trưởng 17,99% trong năm 2023 chủ yếu nhờ vào việc gia tăng trữ lượng hàng tồn kho với mục đích dự trữ và dùng để thế chấp bảo đảm cho các khoản nợ phải trả ngắn hạn. Cùng với việc nắm giữ tiền mặt nhiều hơn, đã giúp cho CMM chủ động hơn trong việc phòng ngừa rủi ro thanh khoản trong bối cảnh nền kinh tế đang biến động mạnh trong năm nay. Ưu tiên của Công ty trong năm qua không phải đẩy mạnh hoạt động sản xuất nên nguồn vốn lưu động từ các tài sản ngắn hạn đã giảm xuống.

Tài sản dài hạn được ghi nhận mức tăng trưởng ấn tượng 42,44% với tỷ trọng tài sản cố định hữu hình chiếm cơ cấu cao nhất. Trong đó, tài sản dở dang dài hạn đã có mức tăng trưởng hơn gấp đôi do Công ty đã tiến hành đầu tư xây dựng mở rộng hệ thống sản xuất với giá trị gần 200 tỷ đồng. Nhằm tiết kiệm chi phí vận hành, Công ty đã thuê tài chính các thiết bị sản xuất để duy trì hoạt động kinh doanh trong ngắn hạn tránh tình trạng bị dư thừa nguồn cung. Trong bối cảnh sản lượng tiêu thụ giảm do nhu cầu thị trường suy yếu, Công ty đã tận dụng nguồn lực gia tăng đầu tư tài sản dài hạn, hướng đến phát triển bền vững lâu dài.

Tình hình nợ phải trả

ĐVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu | 31/12/2022 | | 31/12/2023 | | %2023/2022 |
|-------------------------|------------------|-------------|------------------|-------------|----------------|
| | Giá trị | Tỷ trọng | Giá trị | Tỷ trọng | |
| Nợ ngắn hạn | 1.224.212 | 98,08% | 1.588.996 | 91,58% | 129,80% |
| Nợ dài hạn | 23.906 | 1,92% | 146.055 | 8,42% | 610,96% |
| Tổng nợ phải trả | 1.248.118 | 100% | 1.735.051 | 100% | 139,01% |



Khoản nợ phải trả trong năm 2023 của CMM đã tăng gần 40% so với cùng kỳ. Trong đó, tỷ trọng nợ ngắn hạn luôn chiếm tỷ trọng cao nhất với 91,58% và nợ dài hạn là 8,42% trong năm 2023. Nguồn vốn nợ của công ty chủ yếu là các khoản vay và nợ thuê tài chính.

Nợ ngắn hạn trong năm vừa qua của CMM đã tăng 29,80%, nhưng tỷ trọng khoản mục này đã giảm trong cơ cấu nguồn vốn của Công ty. Công ty đã gia tăng vay nợ để chi trả các khoản chi phí cần thiết và thực hiện chính sách mua chịu từ các đối tác cung ứng thân tín trong bối cảnh nguồn doanh thu bị sụt giảm, điều này đã góp phần lớn làm tăng khoản nợ ngắn hạn trong năm vừa qua.

Nợ dài hạn được ghi nhận mức tăng trưởng vượt bậc hơn gấp 5 lần so với năm ngoái, hoàn toàn đến từ khoản vay tài chính dài hạn. Đặc biệt là khoản vay từ Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng với giá trị hơn 105 tỷ đồng nhằm phục vụ hoạt động duy trì sản xuất và đầu tư mua hệ thống sản xuất máy móc thiết bị của Công ty TNHH Chế Biến Thủy sản Hùng Vương Bến Tre. Như vậy, Công ty đang có kế hoạch mở rộng sản xuất trong tương lai gần. Tuy đã thực hiện vay nợ khá nhiều trong năm qua nhưng Công ty vẫn đang kiểm soát tốt các khoản vay tài chính này khi không có bất kỳ khoản nợ xấu nào.

NHỮNG CẢI TIẾN VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách và quản lý

Chính sách giá cả

Công ty luôn thực hiện việc theo dõi sát sao chi phí nguyên vật liệu đầu vào và tối ưu hóa quy trình sản xuất, nhằm đảm bảo giá thành sản phẩm ở mức cạnh tranh nhất. Nhờ vậy, sản phẩm của Công ty luôn được thị trường trong và ngoài nước tin tưởng lựa chọn.

Chiến lược phát triển sản phẩm

Công ty luôn đề cao sự hợp tác chặt chẽ với nhà phân phối để nghiên cứu thị trường và phát triển sản phẩm phù hợp. Châu Âu, Hàn Quốc, Nhật Bản và Canada là các thị trường xuất khẩu mục tiêu của Công ty. Trong đó, thị trường Châu Âu là thị trường trọng điểm với tốc độ tăng trưởng ổn định. Việc hướng đến các thị trường có đời sống người tiêu dùng cao như vậy, công ty sẽ dễ dàng được đón nhận và xây dựng được thương hiệu tôm sinh thái với chất lượng vượt trội.

Xúc tiến thương mại

Trong bối cảnh hội nhập và cạnh tranh ngày càng gay gắt, xây dựng thương hiệu là một mục tiêu sống còn mà công ty đã đề ra. Công ty đã tận dụng sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và liên lạc, việc tìm kiếm khách hàng trở nên thuận lợi hơn bao giờ hết, tạo điều kiện thuận lợi cho công ty trong việc khẳng định thương hiệu của mình trên thị trường. Thông qua các hoạt động gặp gỡ và giao lưu với nhiều khách hàng cũ cũng như mới, công ty đã thành công mở ra nhiều cơ hội tiềm năng cho công việc bán hàng của mình.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

Kế hoạch đầu tư của Camimex trong năm tới:

1. Phần đầu mở rộng vùng nuôi tôm sinh thái lên 20.000 ha
2. Hoàn thiện nhà máy chế biến số 1 (Xí nghiệp 1) với tổng giá trị đầu tư là 303 tỷ đồng

Với kỳ vọng về nhu cầu thị trường năm 2024 sẽ hồi phục nhờ vào triển vọng nền kinh tế tăng trưởng trở lại, đồng thời căn cứ vào lợi thế cạnh tranh, giá trị chất lượng sản phẩm và năng lực sản xuất, kế hoạch kinh doanh của Công ty được đề ra như sau:

| STT | Chỉ tiêu kinh doanh | Đơn vị tính | Kế hoạch năm 2024 |
|-----|----------------------|----------------|-------------------|
| 1 | Kim ngạch xuất khẩu | Triệu USD | 75 |
| 2 | Sản lượng sản xuất | Tấn thành phẩm | 10.000 |
| 3 | Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 2.300 |
| 4 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 100 |
| 5 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 85 |

GIẢI TRÌNH CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI Ý KIẾN KIỂM TOÁN



Theo báo cáo tài chính kiểm toán năm 2023, đơn vị kiểm toán độc lập là Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã đưa ra ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn phần đối với báo cáo tài chính năm 2023 của Công ty Cổ phần Camimex, vì vậy Ban Tổng Giám đốc không có ý kiến giải trình thêm

BẢO CÁO ĐÁNH GIÁ LIÊN QUAN ĐẾN TRÁCH NHIỆM VỀ MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI CỦA CÔNG TY

Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường

Công ty cam kết giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường bằng cách áp dụng công nghệ tiên tiến, nhằm tăng hiệu quả sản xuất và giảm tiêu thụ năng lượng. Sự đầu tư vào công nghệ tiên tiến, phù hợp với tiêu chuẩn Nhật Bản, giúp tối ưu hóa quá trình sản xuất tự động, từ đó tiết kiệm nhiên liệu và điện. Kết quả là mức tiêu thụ năng lượng giảm và môi trường được bảo vệ nhờ vào việc giảm lượng khí thải. Công ty cũng tập trung vào việc tiết kiệm năng lượng thông qua hệ thống truyền động tiên tiến cho các máy móc và thiết bị.

Về tiêu thụ nước, Camimex áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo việc sử dụng nước hiệu quả, tuân thủ các quy định về tiêu thụ nước và bảo vệ môi trường. Nước thải được xử lý qua một hệ thống tiên tiến trước khi thải ra môi trường, đảm bảo đạt chuẩn chất lượng và nhận được chứng nhận từ Bộ Tài nguyên và Môi trường tỉnh Cà Mau. Sử dụng nước một cách tối ưu không chỉ giúp công ty tiết kiệm chi phí mà còn góp phần bảo vệ nguồn tài nguyên nước.



Đánh giá liên quan đến các vấn đề về người lao động

Công ty luôn đặt sự an toàn và sức khỏe của nhân viên lên hàng đầu, thể hiện qua việc ưu tiên cao nhất đối với an toàn lao động. Sử dụng công nghệ tiên tiến của Nhật Bản giúp duy trì môi trường làm việc khô ráo, lành mạnh, đồng thời trang bị đầy đủ thiết bị an toàn cần thiết cho người lao động. Vệ sinh vẫn phòng được giữ gìn, cùng với việc trang bị máy móc phù hợp, đảm bảo một môi trường làm việc chuyên nghiệp và an toàn.

Công ty tuân thủ chặt chẽ quy định về nghỉ lễ, nghỉ ốm, và nghỉ thai sản theo Luật Lao động, phản ánh sự quan tâm đến quyền lợi của người lao động. Việc khuyến khích sáng tạo và hiệu quả làm việc thông qua chính sách thưởng hàng năm, cùng với việc khen thưởng đặc biệt cho những cá nhân và tập thể xuất sắc, chứng minh rằng công ty đánh giá cao và công nhận những nỗ lực và thành tích của nhân viên.

Chương trình khen thưởng dành cho con em cán bộ công nhân viên và các khóa đào tạo nội bộ không chỉ thể hiện sự đầu tư vào phát triển chuyên môn của nhân viên mà còn tạo điều kiện cho sự tiến bộ cá nhân phù hợp với nhu cầu kinh doanh của công ty. Quy trình đánh giá năng lực hàng năm cung cấp lộ trình rõ ràng cho sự phát triển của nhân viên, góp phần tăng cường đoàn kết nội bộ và tiết kiệm chi phí tuyển dụng.



Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

Công ty đã biểu thị cam kết với phát triển bền vững bằng cách tích hợp các nghĩa vụ đối với cộng đồng vào chiến lược hoạt động của mình. Điều này được thực hiện không chỉ qua việc tuân thủ nghiêm ngặt các tiêu chuẩn an toàn lao động quốc gia mà còn qua việc hỗ trợ và thúc đẩy phát triển cộng đồng bằng các sáng kiến như chương trình đào tạo kỹ thuật và giám sát môi trường. Sự hỗ trợ này còn mở rộng tới việc cải thiện chất lượng sản xuất trong ngành nuôi trồng thủy sản địa phương, qua đó CMM đã minh chứng cho sự thực hiện các nguyên tắc phát triển bền vững của mình bằng các đóng góp thiết thực cho cộng đồng địa phương.

04 ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về tình hình kinh doanh của Công ty

Các kế hoạch và định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ TÌNH HÌNH KINH DOANH CỦA CÔNG TY

Dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh ấn tượng trong năm, Hội đồng quản trị đánh giá cao sự nỗ lực của Ban Tổng Giám đốc và tập thể cán bộ nhân viên của Camimex. Kết quả kinh doanh của Công ty trong năm 2023 đã không đạt được như kế hoạch đề ra khi tổng doanh thu đạt được 80,27% và lợi nhuận sau thuế chỉ đạt 66,17%. So với kỳ vọng tăng trưởng trong năm 2023 thì các kết quả kinh doanh của Công ty đều ghi nhận sự sụt giảm. Tuy nhiên, Hội đồng quản trị nhận thấy với nguyên nhân khách quan do hoạt động xuất khẩu tôm gặp khó khăn khi thị trường có tình trạng dư cung và áp lực lạm phát nên kết quả kinh doanh như trên là điều hợp lý. Ngoài ra, Hội đồng quản trị cũng ghi nhận điểm tích cực trong việc triển khai hiệu quả các kế hoạch phát triển chất lượng sản phẩm, gia tăng lợi thế cạnh tranh cho sản phẩm sinh thái. Đồng thời, Công ty đã thực hiện các biện pháp nhằm ổn định nguồn nguyên liệu đầu vào - yếu tố then chốt cho sự thành công của Công ty, để gia tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường.



ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị đã giám sát và chỉ đạo Ban lãnh đạo công ty điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng định hướng chiến lược do HĐQT đề xuất đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trên cơ sở đó, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện tốt chế độ báo cáo tài chính quý, giữa niên độ, báo cáo tài chính năm; thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và HĐQT công ty. Đồng thời Ban Tổng Giám đốc cũng kịp thời xử lý các công việc thuộc thẩm quyền của HĐQT.



CÁC KẾ HOẠCH, ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

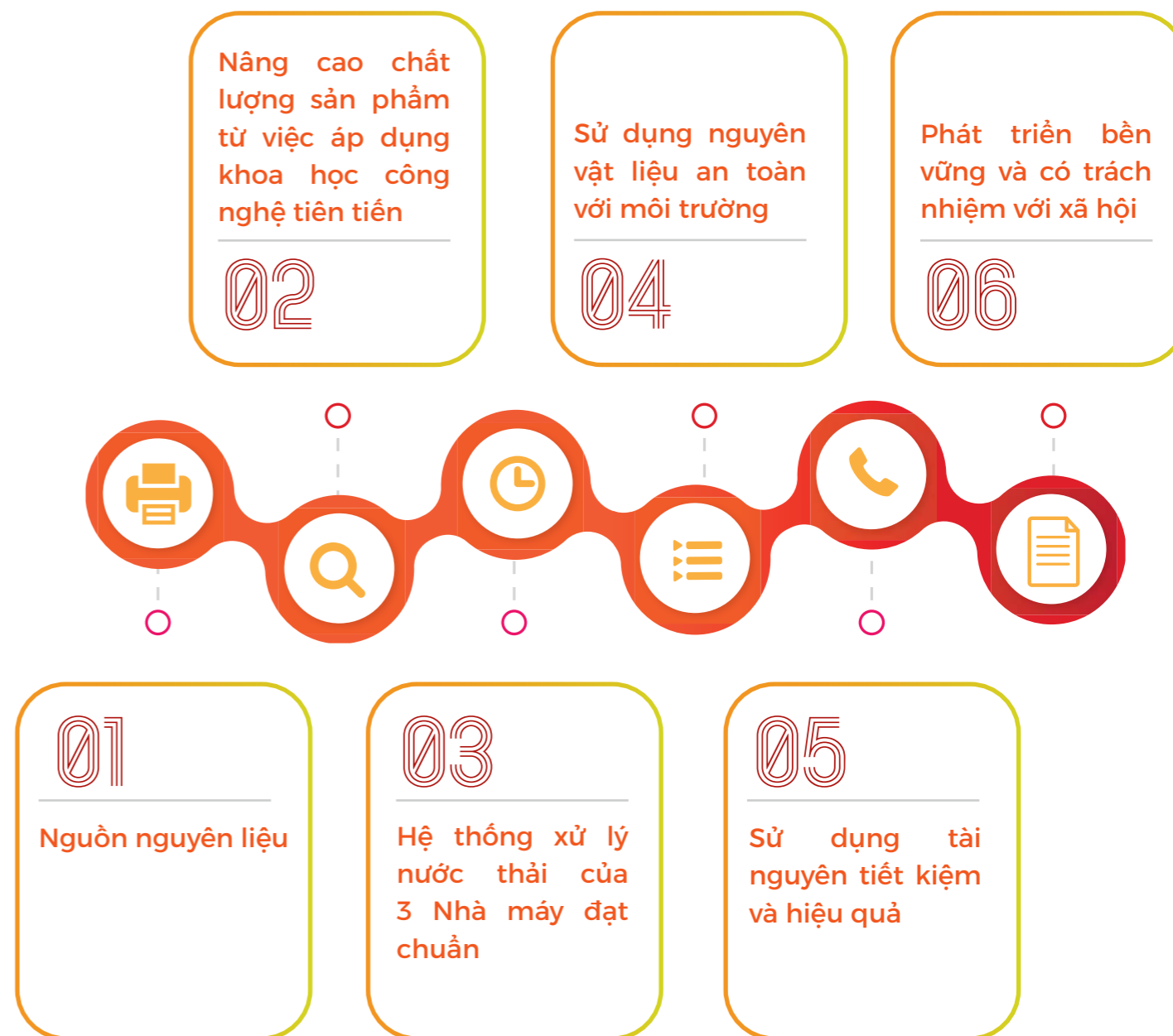
Kế hoạch kinh doanh

| Chỉ tiêu kinh doanh | Đơn vị tính | Kế hoạch chỉ tiêu 2024 |
|----------------------|-------------|------------------------|
| Kim ngạch xuất khẩu | Triệu USD | 75 |
| Sản lượng xuất khẩu | Tấn | 10.000 |
| Tổng doanh thu | Tỷ đồng | 2.300 |
| Lợi nhuận trước thuế | Tỷ đồng | 100 |
| Lợi nhuận sau thuế | Tỷ đồng | 85 |



Định hướng phát triển của Công ty

Đối với định hướng phát triển trong tương lai, Camimex Corp chú trọng việc gắn kết phát triển bền vững, thân thiện với môi trường, cân bằng giữa lợi ích của Công ty và môi trường xã hội, thể hiện qua các tiêu chuẩn cam kết sau:



A photograph showing a business meeting. A person in a dark suit is pointing with a pen at a document on a table. Another person in a light pink blazer is looking at the document. There are smartphones on the table. The background is bright and out of focus.

05 QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Ban kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát

Cơ cấu hội đồng quản trị

| STT | Thành viên | Chức vụ | Số lượng cổ phần sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|-----------------|-------------------------------|-------------------------|--------------|
| 1 | Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT không điều hành | 1.479.000 | 1,57% |
| 2 | Đặng Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT điều hành | - | - |
| 3 | Bùi Đức Cường | Thành viên HĐQT điều hành | 240.000 | 0,25% |
| 4 | Trần Minh Thiệu | Thành viên HĐQT độc lập | - | - |
| 5 | Bùi Đức Dũng | Thành viên HĐQT độc lập | 24.000 | 0,03% |

Lý lịch hội đồng quản trị

ÔNG BÙI SĨ TUẤN

Chủ tịch HĐQT

Năm sinh: 1971

Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Quản trị kinh doanh

Chức vụ tại tổ chức khác:

- » Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group;
- » Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên Niên Kỳ;
- » Chủ tịch HĐQT của Công ty TNHH Camimex Organic;
- » Chủ tịch HĐQT của CTCP Camimex Foods;
- » Chủ tịch HĐQT của CTCP Camimex Quảng Trị.

Quá trình công tác

| | |
|-------------------|--|
| 1996 - 2006 | Kế toán trưởng CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú |
| 2006 - 2010 | Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú |
| 2010 - 2011 | Giám đốc Đầu tư CTCP Tập đoàn Thủy sản Minh Phú |
| 10/2012 - 01/2013 | Thành viên HĐQT CTCP Camimex Group |
| 2008 - nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Vốn Thiên niên Kỳ |
| 01/2013 - nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex Group |
| 02/2019 - nay | Chủ tịch HĐQT CTCP Camimex |

ÔNG ĐẶNG NGỌC SƠN

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Đã được trình bày tại **Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự**

ÔNG BÙI ĐỨC CƯỜNG

Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc

Đã được trình bày tại **Chương 2 - Mục II - Tổ chức nhân sự**

ÔNG TRẦN MINH THIỆU

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1960

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Chức vụ tại tổ chức khác: Luật sư kiêm Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành

Quá trình công tác

| | |
|---------------|--|
| 1987 - 2000 | Cán bộ, thẩm phán Tòa án nhân dân huyện Hải Hậu, Nam Định |
| 2000 - 2002 | Cán bộ phòng tổ chức Nhà máy thuốc lá Vĩnh Hội Sài Gòn |
| 2002 - 2004 | Giám định viên Công ty bảo hiểm Sài Gòn |
| 2004 - nay | Cán bộ tư vấn, Luật sư, Phó giám đốc Công ty Luật hợp danh Sài Thành |
| 09/2020 - nay | Thành viên HĐQT độc lập CTCP Camimex |

ÔNG BÙI ĐỨC DŨNG

Thành viên HĐQT độc lập

Năm sinh: 1995

Trình độ chuyên môn: Cử nhân luật

Chức vụ tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT của CTCP Thảo Anh Fish

Quá trình công tác

| | |
|-------------|--|
| 2018 - 2020 | Giám đốc phát triển dự án CTCP Camimex Group |
| 2021 - 2023 | Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Camimex Logistics |
| 2022 - nay | Thành viên HĐQT CTCP Camimex |
| 2023 - nay | Chủ tịch HĐQT của CTCP Thảo Anh Fish |

Danh sách thay đổi thành viên HĐQT trong năm

Không có

Danh sách các thành viên của Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Công ty

Toàn bộ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát đã tham gia khóa học về quản trị công ty tổ chức trước đây

Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Không có

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Đánh giá của HĐQT trong năm 2023

HĐQT đã theo dõi sát sao hoạt động sản xuất kinh doanh tuân theo định hướng chiến lược đã được đề ra trong Đại hội đồng cổ đông. Đồng thời, Ban lãnh đạo được chỉ đạo thực hiện nghiêm túc chế độ báo cáo tài chính theo luật nhằm đảm bảo tính chính xác, minh bạch và đầy đủ của các báo cáo tài chính.

HĐQT luôn giám sát quá trình thực hiện, kịp thời phát hiện và xử lý các vi phạm, đảm bảo tuân thủ Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Các cuộc họp của HĐQT trong năm 2023

| STT | Thành viên | Số buổi họp HĐQT tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Lý do không tham dự họp |
|-----|-----------------|--------------------------|-------------------|-------------------------|
| 1 | Bùi Sĩ Tuấn | 15/15 | 100% | |
| 2 | Đặng Ngọc Sơn | 15/15 | 100% | |
| 3 | Bùi Đức Cường | 15/15 | 100% | |
| 4 | Trần Minh Thiệu | 15/15 | 100% | |
| 5 | Bùi Đức Dũng | 15/15 | 100% | |



Nghị quyết của HĐQT trong năm 2023

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 1 | 0802/NQ.HĐQT.CMC.23 | 08/02/2023 | Quyết định HĐQT bổ nhiệm KTT công ty Bà Nguyễn Thị Lam |
| 2 | 2702/NQ.HĐQT.CMC | 27/02/2023 | Nghị quyết HĐQT tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2023 |
| 3 | 0304/NQ.HĐQT.CMC.2023 | 03/04/2023 | Nghị quyết HĐQT đầu tư mua cổ phần Công ty cổ phần Camimex Quảng Trị |
| 4 | 01.06/NQ.HĐQT.CMC.23 | 01/06/2023 | Nghị quyết HĐQT thông qua triển khai phát hành cổ phiếu tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 5 | 2806/NQ.HĐQT.CMC.23 | 28/06/2023 | Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền nhận CPPH để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu |
| 6 | 1007/NQ.HĐQT.CMC.23 | 10/07/2023 | Nghị quyết HĐQT Thông qua việc triển khai phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng cho cổ đông hiện hữu |
| 7 | 01.1007/NQ.HĐQT.CMC.23 | 10/07/2023 | Nghị quyết HĐQT Thông qua phương án đảm bảo tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài |
| 8 | 1307/NQ.HĐQT.CMC.23 | 13/07/2023 | Nghị quyết HĐQT Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng |
| 9 | 2407/NQ.HĐQT.CMC.23 | 24/07/2023 | Nghị quyết HĐQT Thông qua kết quả đợt phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu. |
| 10 | 2807/NQ.HĐQT.CMC.23 | 28/07/2023 | Nghị Quyết HĐQT tăng vốn từ 630 tỷ lên 944 tỷ |

| STT | Số Nghị quyết/ Quyết định | Ngày | Nội dung |
|-----|---------------------------|------------|--|
| 11 | 21.07/NQ.HĐQT.CMC.23 | 21/08/2023 | Nghị Quyết HĐQT thông qua chấm dứt hoạt động địa điểm kinh doanh Công ty Cổ phần Camimex |
| 12 | 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 | 18/09/2023 | Nghị Quyết HĐQT Thông qua lựa chọn đại lý phân phối cổ phiếu trong đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Camimex |
| 13 | 1110/NQ.HĐQT.CMC.23 | 11/10/2023 | Nghị Quyết HĐQT V/v: sửa đổi, bổ sung các Nghị quyết HĐQT số 1809/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 18/09/2023 và Nghị quyết HĐQT số 1007/NQ.HĐQT.CMC.23 ngày 10/07/2023 |
| 14 | 01.1110/NQ.HĐQT.CMC.23 | 11/10/2023 | Nghị Quyết HĐQT V/v: Thông qua hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng |
| 15 | 2810/NQ.HĐQT.CMC.23 | 28/10/2023 | Nghị Quyết HĐQT V/v: Thông qua việc đầu tư mua tài sản |
| 16 | 1011/NQ.HĐQT.CMC.23 | 10/11/2023 | Nghị Quyết HĐQT V/v: Thông qua phương án chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng năm 2023 của Công ty cổ phần Camimex |
| 17 | 2311/NQ.HĐQT.CMC | 23/11/2023 | Quyết định HĐQT về việc đăng ký địa điểm kinh doanh |

Thành phần Ban kiểm soát

Tính tại ngày 31/12/2023

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu sở hữu | Tỷ lệ sở hữu |
|-----|------------------|----------------|--------------------------|--------------|
| 1 | Lữ Hồng Lam | Trưởng BKS | 135.000 | 0,14% |
| 2 | Nguyễn Hoài Linh | Thành viên BKS | - | - |
| 3 | Trần Thị My | Thành viên BKS | - | - |

Lý lịch Ban kiểm soát

BÀ LỮ HỒNG LAM

Trưởng Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1962

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

Chức vụ tại tổ chức khác: không có

Quá trình công tác

| | |
|--------------------------|---|
| 06/1987 - 02/2002 | Nhân viên kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex |
| 02/2002 - 06/2006 | Phó phòng kế toán Công ty CP Chế biến và XNK thủy sản Cadovimex |
| 07/2006 - 10/2020 | Phó phòng kế toán tổng hợp Công ty cổ phần Camimex Group |
| 06/2021 - nay | Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Camimex |

ÔNG NGUYỄN HOÀI LINH

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 1991

Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán

Chức vụ tại tổ chức khác: không có

Quá trình công tác

| | |
|--------------------------|---|
| 04/2017 - 07/2020 | Nhân viên Ban Kinh doanh CTCP Camimex |
| 07/2020 - nay | Nhân viên Ban Quản trị Nhân sự, tiền lương tại CTCP Camimex |
| 06/2021 - nay | Thành viên Ban Kiểm Soát CTCP Camimex |

BÀ TRẦN THỊ MY

Thành viên Ban Kiểm soát

Năm sinh: 02/09/1981

Trình độ chuyên môn: Đại học tài chính ngân hàng và chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng

Chức vụ tại tổ chức khác: Phó phòng kiểm soát kế toán tài chính Công ty Cổ phần Camimex Group

Quá trình công tác

| | |
|--------------------------|---|
| 04/2006 - 12/2020 | Nhân viên kế toán CTCP Camimex |
| 01/2021 - 05/2021 | Phó phòng kế toán Công ty Cổ phần Camimex Foods |
| 06/2021 - 08/2021 | Kế toán tổng hợp Công ty Cổ phần Camimex |
| 09/2021 - 03/2023 | Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Camimex Foods |
| 04/2023 - nay | Phó phòng kiểm soát kế toán tài chính Công ty Cổ phần Camimex Group |
| 05/2023 - nay | Thành viên Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Camimex |



Những thay đổi trong Ban Kiểm soát năm 2023

| STT | Thành viên BKS | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-----|----------------|----------------|---------------|-----------------|
| 1 | Đinh Thị Hoa | Thành viên BKS | 23/06/2021 | 24/05/2023 |
| 2 | Trần Thị My | Thành viên BKS | 24/05/2023 | - |

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát năm 2023

| STT | Thành viên BKS | Số buổi tham dự | Tỷ lệ tham dự họp | Tỷ lệ biểu quyết | Lý do không tham dự họp |
|-----|------------------|-----------------|-------------------|------------------|----------------------------|
| 1 | Lữ Hồng Lam | 4/4 | 100% | 100% | - |
| 2 | Nguyễn Hoài Linh | 4/4 | 100% | 100% | - |
| 3 | Đinh Thị Hoa | 1/4 | 25% | 100% | Miễn nhiệm ngày 24/05/2023 |
| 4 | Trần Thị My | 3/4 | 75% | 100% | Bổ nhiệm ngày 24/05/2023 |

Hoạt động của Ban Kiểm soát

Hoạt động giám sát đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và cổ đông

Trưởng ban kiểm soát tham gia các cuộc họp do Ban lãnh đạo công ty tổ chức nhằm tăng cường giám sát mọi lĩnh vực hoạt động của công ty.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- » Tham gia họp cùng với lãnh đạo công ty hàng tháng, quý
- » Báo cáo lên HĐQT, Ban Tổng giám đốc các phát hiện vướng mắc và quá trình xử lý thông tin
- » Cập nhật những phát hiện rủi ro và đề xuất các phương án kiểm soát rủi ro tới Ban Tổng giám đốc và HĐQT.



CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS

Lương, thưởng, thù lao và các khoản lợi ích

| STT | Họ và tên | Chức danh | Lương cơ bản | Thù lao | Tổng thu nhập |
|---|------------------|---|--------------------|--------------------|----------------------|
| Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc | | | | | |
| 1 | Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT | - | 72.000.000 | 72.000.000 |
| 2 | Đặng Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc | 256.971.320 | 48.000.000 | 304.971.320 |
| 3 | Bùi Đức Cường | Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD | 256.982.780 | 48.000.000 | 304.982.780 |
| 4 | Trần Minh Thiệu | Thành viên HĐQT độc lập | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| 5 | Bùi Đức Dũng | Thành viên HĐQT độc lập | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| 6 | Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng giám đốc | 256.968.620 | - | 256.968.620 |
| Ban Kiểm soát | | | | | |
| 1 | Lữ Hồng Lam | Trưởng BKS | - | 36.000.000 | 36.000.000 |
| 2 | Nguyễn Hoài Linh | Thành viên BKS | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| 3 | Trần Thị My | Thành viên BKS | - | 14.464.516 | 14.464.516 |
| 4 | Đinh Thị Hoa | Thành viên BKS (miễn nhiệm ngày 24/05/2023) | - | 9.335.484 | 9.335.484 |
| Tổng cộng | | | 770.922.720 | 347.800.000 | 1.118.722.720 |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

Không có

Hợp đồng giao dịch của Công ty với người nội bộ

Giao dịch giữa Công ty với người có liên quan của công ty; hoặc giữa công ty với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ:

| STT | Tên tổ chức/cá nhân | Mối quan hệ liên quan với công ty | Thời điểm giao dịch với công ty | Số Nghị quyết/ Quyết định | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|-----|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|-----------------------------------|--|
| 1 | CTCP Camimex Group | Công ty mẹ | 2023 | Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2023 | 427.651.394.347 đồng |
| 2 | CTCP Camimex Foods | Công ty trong tập đoàn | 2023 | | 421.429.067.592 đồng |
| 3 | CTCP Camimex Organic | Công ty con | 2023 | | 340.679.359.259 đồng |
| 4 | CTCP Camimex Farm | Công ty trong tập đoàn | 2023 | | 3.215.735.046 đồng |
| 5 | Vũ Thị Bích Ngọc | Vợ chủ tịch | 2023 | | 22.300.000.000 đồng |
| 6 | Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng giám đốc | 2023 | | 520.000.000 đồng |
| 7 | Bùi Đức Dũng | Thành viên HĐQT | 2023 | | 2.000.000.000 đồng |
| 8 | Bùi Vũ Diệu Anh | Con chủ tịch | 2023 | | 3.000.000.000 đồng |

Giao dịch giữa người nội bộ công ty, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát: không có

CÁC GIAO DỊCH, THÙ LAO VÀ CÁC KHOẢN LỢI ÍCH CỦA HĐQT, BTGD VÀ BKS (TT)

Giao dịch giữa công ty với các đối tượng khác

Giao dịch giữa công ty với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)

| Tên tổ chức | Tên người nội bộ có liên quan | Quan hệ với người nội bộ | Chức vụ tại CTNY | Số ĐKKD | Địa chỉ | Thời điểm giao dịch | Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch |
|--------------------------|-------------------------------|--------------------------|------------------|---|---|---------------------|--|
| Công ty CP Thảo Anh Fish | Bùi Đức Dũng | Chủ tịch HĐQT | Thành viên HĐQT | 1301128799, ngày cấp 04/12/2023 nơi cấp: T. Bến Tre | Thửa đất số 457, tờ bản đồ số 5, khu tái định cư ấp Thuận Điền, xã An Hiệp, H. Châu Thành, T. Bến Tre | 2023 | 467.544.310 đồng |

Giao dịch giữa công ty với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành: không có

Các giao dịch khác của công ty (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác không có

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

Công ty luôn chấp hành tốt các quy định của pháp luật có liên quan đến công tác quản trị Công ty như:

- » Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Thủy sản
- » Các thông tư, quy định về quản trị công ty, về hướng dẫn về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- » Các văn bản luật có liên quan khác.

Công ty đã cụ thể hóa các quy định về quản trị tại các quy định nội bộ bao gồm: Điều lệ hoạt động, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát.

Công ty luôn tôn trọng quyền của cổ đông thông qua việc

- » Cung cấp và công bố thông tin chính xác và kịp thời
- » Nâng cao hiệu quả kinh doanh và khả năng tiếp cận nguồn vốn
- » Cam kết hoạt động một cách minh bạch, công bằng và tuân thủ luật pháp, đảm bảo quyền lợi của cổ đông..

Các khóa đào tạo về quản trị công ty mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, các cán bộ quản lý khác công ty đã tham gia theo quy định về quản trị công ty:

Không có

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH KIỂM TOÁN 2023

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

Báo cáo kiểm toán độc lập

Bảng cân đối kế toán

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Bảng lưu chuyển tiền tệ

Bản thuyết minh báo cáo tài chính



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty và công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Camimex (tiền thân là Công ty TNHH Camimex) là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 2001122903 đăng ký lần đầu ngày 06 tháng 6 năm 2013 và đăng ký thay đổi lần 14 ngày 01 tháng 8 năm 2023 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
- Điện thoại : (0290) 3 831 608
- Fax : (0290) 3 580 827

Công ty có Chi nhánh Công ty Cổ phần Camimex tại thành phố Hồ Chí Minh đặt tại địa chỉ: 33/3 đường Gò Ô Môi, khu phố 2, phường Phú Thuận, quận 7, thành phố Hồ Chí Minh.

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Chế biến thủy sản các loại;
- Nuôi tôm;
- Nuôi trồng thủy sản nội địa;
- Xuất khẩu nông sản thực phẩm;
- Xuất nhập khẩu thủy sản các loại;
- Nhập khẩu nguyên vật liệu, hóa chất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh, thuốc thú y thủy sản, thuốc bảo vệ thực vật), vật tư, thiết bị, hàng hóa phục vụ sản xuất và đời sống ngư dân;
- Bán buôn tổng hợp;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh.

Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|---------------------|------------|------------------------------------|
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 11 tháng 7 năm 2020 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Bùi Đức Dũng | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 4 năm 2022 |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm |
|----------------------|------------|--|
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 |
| Bà Trần Thị My | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên | Bổ nhiệm ngày 23 tháng 6 năm 2021 Miễn nhiệm ngày 24 tháng 5 năm 2023 |

Ban Tổng Giám đốc

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm |
|-------------------|-------------------|------------------------------------|
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 22 tháng 9 năm 2020 |
| Ông Bùi Đức Cường | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | Bổ nhiệm ngày 14 tháng 3 năm 2019 |

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Bùi Sĩ Tuấn – Chủ tịch Hội đồng quản trị (Bổ nhiệm ngày 18 tháng 02 năm 2019).

Ông Bùi Sĩ Tuấn đã ủy quyền cho Ông Đặng Ngọc Sơn – Tổng Giám đốc ký Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 theo Giấy ủy quyền số 01/UQ/HĐQT/CMC.2024 ngày 01 tháng 01 năm 2024.

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023 của Tập đoàn.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Tập đoàn với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số sách kế toán tuân thủ Chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tray mặt Hội đồng quản trị,



Bùi Sĩ Tuấn
Chủ tịch

Ngày 28 tháng 3 năm 2024

Số: 4.0166/24/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là "Công ty") và công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2024, từ trang 05 đến trang 47, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tập đoàn liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tập đoàn. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2023, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.



Nguyễn Quốc Ngữ
 Thành viên Ban Giám đốc
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3089-2020-008-1
 Người được ủy quyền

Nguyễn Thùy Trang
 Kiểm toán viên
 Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 3592-2021-008-1

TP. Cần Thơ, ngày 28 tháng 3 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 1.968.620.836.503 | 1.668.492.641.964 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | | 11.439.826.243 | 5.836.426.850 |
| 1. Tiền | 111 | V.1 | 11.439.826.243 | 5.836.426.850 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 14.920.000.000 | 5.000.000.000 |
| 1. Chứng khoán kinh doanh | 121 | | - | - |
| 2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh | 122 | | - | - |
| 3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 123 | V.2a | 14.920.000.000 | 5.000.000.000 |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 656.302.588.753 | 763.273.112.681 |
| 1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | V.3 | 446.794.371.196 | 625.581.162.349 |
| 2. Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | V.4 | 194.946.883.599 | 132.567.634.888 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay ngắn hạn | 135 | | - | - |
| 6. Phải thu ngắn hạn khác | 136 | V.5a | 14.655.889.958 | 6.042.011.944 |
| 7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 137 | V.6 | (94.556.000) | (917.696.500) |
| 8. Tài sản thiếu chờ xử lý | 139 | | - | - |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 1.261.766.367.441 | 880.294.246.884 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 1.322.755.430.196 | 921.509.921.472 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.7 | (60.989.062.755) | (41.215.674.588) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 24.192.054.066 | 14.088.855.549 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.8a | 1.827.360.696 | 630.846.259 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 19.551.384.342 | 10.673.669.859 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 153 | V.16 | 2.813.309.028 | 2.784.339.431 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 154 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 155 | | - | - |

781 NH/ TY NV/ AN/ TP

11/2 NH/ NV/ AN/ TP

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B- TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 777.294.673.002 | 545.706.136.126 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 1.030.000.000 | 8.440.809.124 |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Trả trước cho người bán dài hạn | 212 | | - | - |
| 3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu nội bộ dài hạn | 214 | | - | - |
| 5. Phải thu về cho vay dài hạn | 215 | | - | - |
| 6. Phải thu dài hạn khác | 216 | V.5b | 1.030.000.000 | 8.440.809.124 |
| 7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 454.497.851.723 | 357.936.915.488 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.9 | 377.982.870.290 | 299.411.590.456 |
| - Nguyên giá | 222 | | 673.267.764.285 | 550.713.283.106 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (295.284.893.995) | (251.301.692.650) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | V.10 | 34.625.009.211 | 13.402.469.102 |
| - Nguyên giá | 225 | | 36.134.842.545 | 45.424.320.258 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 226 | | (1.509.833.334) | (32.021.851.156) |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.11 | 41.889.972.222 | 45.122.855.930 |
| - Nguyên giá | 228 | | 64.688.899.986 | 64.688.899.986 |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (22.798.927.764) | (19.566.044.056) |
| III. Bất động sản đầu tư | 230 | | - | - |
| - Nguyên giá | 231 | | - | - |
| - Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | - | - |
| IV. Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 250.280.561.316 | 97.853.797.671 |
| 1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 241 | | - | - |
| 2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | V.12 | 250.280.561.316 | 97.853.797.671 |
| V. Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 50.000.000.000 | 55.000.000.000 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | | - | - |
| 2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | V.2b | 50.000.000.000 | 50.000.000.000 |
| 4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 254 | | - | - |
| 5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 255 | V.2a | - | 5.000.000.000 |
| VI. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 21.486.259.963 | 26.474.613.843 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.8b | 21.486.259.963 | 26.308.487.219 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | V.13 | - | 166.126.624 |
| 3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 263 | | - | - |
| 4. Tài sản dài hạn khác | 268 | | - | - |
| 5. Lợi thế thương mại | 269 | | - | - |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 2.745.915.509.505 | 2.214.198.778.090 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| C - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 1.735.051.239.197 | 1.248.118.108.083 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 1.588.996.171.662 | 1.224.212.242.126 |
| 1. Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | V.14 | 201.822.771.322 | 122.360.381.597 |
| 2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | V.15 | 122.741.267.916 | 120.315.903.729 |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 313 | V.16 | 6.808.504.361 | 15.124.704.628 |
| 4. Phải trả người lao động | 314 | V.17 | 16.093.603.686 | 13.919.133.407 |
| 5. Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | V.18 | 1.152.523.306 | 4.812.885.025 |
| 6. Phải trả nội bộ ngắn hạn | 316 | | - | - |
| 7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 317 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 318 | | - | - |
| 9. Phải trả ngắn hạn khác | 319 | V.19 | 31.656.508.561 | 37.334.311.470 |
| 10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn | 320 | V.20a | 1.207.840.992.510 | 909.464.922.270 |
| 11. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 321 | | - | - |
| 12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | V.21 | 880.000.000 | 880.000.000 |
| 13. Quỹ bình ổn giá | 323 | | - | - |
| 14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 324 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | 146.055.067.535 | 23.905.865.957 |
| 1. Phải trả người bán dài hạn | 331 | | - | - |
| 2. Người mua trả tiền trước dài hạn | 332 | | - | - |
| 3. Chi phí phải trả dài hạn | 333 | | - | - |
| 4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh | 334 | | - | - |
| 5. Phải trả nội bộ dài hạn | 335 | | - | - |
| 6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 336 | | - | - |
| 7. Phải trả dài hạn khác | 337 | | - | - |
| 8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn | 338 | V.20b | 146.055.067.535 | 23.905.865.957 |
| 9. Trái phiếu chuyển đổi | 339 | | - | - |
| 10. Cổ phiếu ưu đãi | 340 | | - | - |
| 11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 341 | | - | - |
| 12. Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | | - | - |
| 13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 343 | | - | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bảng cân đối kế toán hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| D - VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.010.864.270.308 | 966.080.670.007 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.010.864.270.308 | 966.080.670.007 |
| 1. Vốn góp của chủ sở hữu | 411 | V.22a | 944.999.980.000 | 630.000.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 944.999.980.000 | 630.000.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | 411b | | - | - |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.22a | - | 6.800.000.000 |
| 3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu | 413 | | - | - |
| 4. Vốn khác của chủ sở hữu | 414 | | - | - |
| 5. Cổ phiếu quỹ | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 416 | | - | - |
| 7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ đầu tư phát triển | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 419 | | - | - |
| 10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 420 | | - | - |
| 11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | V.22a | 54.161.778.957 | 317.685.971.164 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước | 421a | | 9.485.991.164 | 317.685.971.164 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này | 421b | | 44.675.787.793 | - |
| 12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 422 | | - | - |
| 13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 429 | V.22a | 11.702.511.351 | 11.594.698.843 |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 431 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 432 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 2.745.915.509.505 | 2.214.198.778.090 |



Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Trần Quốc Phong

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-------|-------------|-------------------|-------------------|
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 1.920.973.975.259 | 2.436.532.788.881 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.2 | 7.524.950.074 | 22.336.746.957 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | | 1.913.449.025.185 | 2.414.196.041.924 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.3 | 1.658.943.453.146 | 2.084.805.098.706 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 254.505.572.039 | 329.390.943.218 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.4 | 28.388.910.965 | 56.065.579.592 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.5 | 98.973.830.002 | 103.680.196.472 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 57.736.100.462 | 45.747.465.803 |
| 8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết | 24 | | - | - |
| 9. Chi phí bán hàng | 25 | VI.6 | 61.975.153.365 | 111.426.328.326 |
| 10. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | VI.7 | 63.183.701.054 | 49.259.484.239 |
| 11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 58.761.798.583 | 121.090.513.773 |
| 12. Thu nhập khác | 31 | VI.8 | 798.605.223 | 5.789.147.717 |
| 13. Chi phí khác | 32 | VI.9 | 8.073.418.347 | 5.890.650.605 |
| 14. Lợi nhuận khác | 40 | | (7.274.813.124) | (101.502.888) |
| 15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 51.486.985.459 | 120.989.010.885 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.16 | 6.537.258.534 | 14.078.221.766 |
| 17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | 166.126.624 | - |
| 18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | 44.783.600.301 | 106.910.789.119 |
| 19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ | 61 | | 44.675.787.793 | 107.111.153.889 |
| 20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát | 62 | | 107.812.508 | (200.364.770) |
| 21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.10a | 587 | 1.407 |
| 22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 71 | VI.10a | 587 | 1.407 |



Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Trần Quốc Phong

Trần Quốc Phong
Người lập

Nguyễn Thị Lam

Nguyễn Thị Lam
Kế toán trưởng

Đặng Ngọc Sơn

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-----------------|--------------------------|--------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 51.486.985.459 | 120.989.010.885 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư | 02 | V.9, V.10, V.11 | 59.749.930.007 | 55.516.093.380 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.6, V.7 | 18.950.247.667 | 1.894.227.205 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 04 | VI.4, VI.5 | 2.167.551.639 | (13.138.238.079) |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4, VI.9 | 5.596.586.965 | (5.602.350.012) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.5 | 57.736.100.462 | 45.747.465.803 |
| - Các khoản điều chỉnh khác | 07 | | - | - |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 195.687.402.199 | 205.406.209.182 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | 66.104.643.707 | (356.339.397.719) |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | (401.245.508.724) | (31.024.644.902) |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | 117.683.755.935 | (19.039.339.128) |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 3.625.712.819 | 3.350.796.743 |
| - Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh | 13 | | - | - |
| - Tiền lãi vay đã trả | 14 | V.18, VI.5 | (61.396.462.181) | (45.414.129.497) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | V.16 | (14.618.221.766) | (10.624.673.507) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 16 | | - | - |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (94.158.678.011) | (253.685.178.828) |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.9, V.10, V.12 | (316.730.714.643) | (65.656.522.616) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | | 2.220.683.531 | 181.818.182 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (14.920.000.000) | (15.000.000.000) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |
| 5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | - | - |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | - | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5a, VI.4 | 478.943.026 | 21.657.534 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (318.951.088.086) | (70.453.046.900) |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023
 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------|-------------|------------------------|-------------------------|
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu | 31 | | - | 49.300.513.000 |
| 2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | (14.283.208.187) |
| 3. Tiền thu từ đi vay | 33 | V.20a,b | 4.183.457.217.857 | 3.260.802.908.402 |
| 4. Tiền trả nợ gốc vay | 34 | V.20a,b | (3.719.295.788.552) | (2.971.698.382.440) |
| 5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính | 35 | V.20a,b | (44.540.916.455) | (17.902.078.102) |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | | - | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 419.620.512.850 | 306.219.752.673 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | 6.510.746.753 | (17.918.473.055) |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 5.836.426.850 | 24.211.188.640 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | (907.347.360) | (456.288.735) |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 11.439.826.243 | 5.836.426.850 |


 Trần Quốc Phong
 Người lập


 Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng



CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Camimex (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất công nghiệp, kinh doanh thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 01 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ.

5a. Thông tin về tái cấu trúc Tập đoàn

Công ty con được hợp nhất

Công ty chi đầu tư vào công ty con là Công ty TNHH Camimex Organic có trụ sở chính tại ấp Nhà Hội, xã Tam Giang, huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau. Hoạt động kinh doanh chính của công ty con này là sản xuất, kinh doanh giống thủy sản, nuôi tôm và nuôi trồng thủy sản nội địa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty con này là 79,21% (số đầu năm là 79,21%).

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 1.426 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 1.264 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc năm tài chính.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày ở khoản mục riêng trên

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Tập đoàn đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục “Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối” trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Tập đoàn và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Tập đoàn mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Cà Mau (Ngân hàng Tập đoàn thường xuyên có giao dịch).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Tập đoàn có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Tập đoàn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tập đoàn nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Tập đoàn và người mua là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Tập đoàn bao gồm các chi phí sau:

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Tập đoàn đang sử dụng. Tiền thuê đất trả trước được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng

Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời hạn thuê (05 năm).

Phí bảo lãnh vay vốn

Phí bảo lãnh vay vốn phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo thời gian bảo lãnh (06 năm).

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 03 – 44 |
| Máy móc và thiết bị | 03 – 54 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 03 – 14 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 04 – 05 |

10. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuê tài chính như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Loại tài sản cố định

Máy móc và thiết bị

Số năm

05

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất nhận góp vốn được ghi nhận theo giá trị đánh giá của Hội đồng giao nhận tài sản góp vốn. Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian được phép sử dụng. Quyền sử dụng đất không thời hạn không được tính khấu hao.

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

Nhãn hiệu, tên thương mại

Nguyên giá của Nhãn hiệu, tên thương mại mua lại từ bên thứ ba bao gồm giá mua, thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí đăng ký. Nhãn hiệu, tên thương mại được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tập đoàn) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Tập đoàn.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

14. Trái phiếu thường

Trái phiếu thường là trái phiếu không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu.

Giá trị ghi sổ của trái phiếu thường được phản ánh trên cơ sở thuần bằng trị giá trái phiếu theo mệnh giá trừ chiết khấu trái phiếu cộng phụ trội trái phiếu.

Tập đoàn theo dõi chiết khấu và phụ trội cho từng loại trái phiếu thường phát hành và tình hình phân bổ từng khoản chiết khấu, phụ trội khi xác định chi phí đi vay tính vào chi phí hoặc vốn hóa theo từng kỳ, cụ thể:

- Chiết khấu trái phiếu được phân bổ dần để tính vào chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.
- Phụ trội trái phiếu được phân bổ dần để giảm trừ chi phí đi vay từng kỳ trong suốt thời hạn của trái phiếu.

Việc phân bổ khoản chiết khấu hoặc phụ trội có thể sử dụng phương pháp lãi suất thực tế hoặc phương pháp đường thẳng:

- Theo phương pháp lãi suất thực tế: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ vào mỗi kỳ được tính bằng chênh lệch giữa chi phí lãi vay phải trả cho mỗi kỳ trả lãi (được tính bằng giá trị ghi sổ đầu kỳ của trái phiếu nhân với tỷ lệ lãi thực tế trên thị trường) với số tiền phải trả từng kỳ.
- Theo phương pháp đường thẳng: Khoản chiết khấu hoặc phụ trội phân bổ đều trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu theo phương pháp đường thẳng hoặc phương pháp lãi suất thực tế và ghi nhận vào chi phí tài chính hoặc vốn hóa.

15. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông Công ty mẹ phê duyệt.

17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Tập đoàn đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Tập đoàn đã không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa, sản phẩm như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Tập đoàn đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu gia công

Doanh thu đối với hoạt động nhận gia công vật tư, hàng hoá là số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu bao gồm giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm nay.
- Nếu khoản giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của năm sau.

19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------|-----------------------|----------------------|
| Tiền mặt | 181.567.411 | 212.192.466 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 11.258.258.832 | 5.624.234.384 |
| Cộng | 11.439.826.243 | 5.836.426.850 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**2. Các khoản đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Tập đoàn như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| <i>Ngắn hạn</i> | <i>14.920.000.000</i> | <i>14.920.000.000</i> | <i>5.000.000.000</i> | <i>5.000.000.000</i> |
| Tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng (*) | 14.920.000.000 | 14.920.000.000 | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| <i>Dài hạn</i> | <i>-</i> | <i>-</i> | <i>5.000.000.000</i> | <i>5.000.000.000</i> |
| Tiền gửi có kỳ hạn 24 tháng | - | - | 5.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| Cộng | 14.920.000.000 | 14.920.000.000 | 10.000.000.000 | 10.000.000.000 |

(*) Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay tại các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tập đoàn đầu tư 5.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Camimex Foods, chiếm tỷ lệ 14,71% vốn điều lệ của công ty này.

Giá trị hợp lý

Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải thu các bên liên quan | 250.620.044.758 | 313.257.307.966 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 692.890.000 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | 31.275.615.714 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | 218.321.539.044 | - |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | - | 218.882.732.466 |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | - | 92.777.670.000 |
| Công ty TNHH Thực phẩm Thủy sản Thái Minh Hưng | - | 1.596.905.500 |
| Ông Nguyễn Trọng Hà | 330.000.000 | - |
| Phải thu các khách hàng khác | 196.174.326.438 | 312.323.854.383 |
| Công ty TNHH Thương mại Phát triển Đại Nguyên | 43.057.220.000 | - |
| Công ty TNHH Hồ Nhó | 36.077.746.400 | - |
| Công ty TNHH Dịch vụ - Thương mại Thủy hải sản Biên Vàng | 31.612.480.000 | - |
| Công ty TNHH Xuất nhập khẩu Thủy sản Long Thành Hưng | 6.006.049.240 | 249.925.892.240 |
| Coop, Basel | 16.311.021.440 | 6.373.836.252 |
| Các khách hàng khác | 63.109.809.358 | 56.024.125.891 |
| Cộng | 446.794.371.196 | 625.581.162.349 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Một số công nợ phải thu ngắn hạn của khách hàng cuối năm với số tiền 261.840.173.480 VND đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|------------------------|
| Trả trước cho các bên liên quan | 10.328.517.928 | 2.500.000.000 |
| Ông Bùi Đức Cường | 2.500.000.000 | 2.500.000.000 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | 7.828.517.928 | - |
| Trả trước cho các người bán khác | 184.618.365.671 | 130.067.634.888 |
| Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Xây dựng Trường Giang | 81.797.311.638 | 45.567.267.000 |
| Công ty TNHH Cơ điện lạnh Recom | 48.261.627.951 | 60.953.799.716 |
| Các nhà cung cấp khác | 54.559.426.082 | 23.546.568.172 |
| Cộng | 194.946.883.599 | 132.567.634.888 |

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|-----------------------|----------|----------------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| Phải thu các bên liên quan | 1.880.996.642 | - | 1.783.161.769 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Phải thu tiền kinh phí công đoàn | 1.783.161.769 | - | 1.783.161.769 | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải - Phải thu khác | 97.834.873 | - | - | - |
| Phải thu các tổ chức và cá nhân khác | 12.774.893.316 | - | 4.258.850.175 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn | 334.268.494 | - | 637.397.260 | - |
| Tạm ứng | 3.976.768.357 | - | 2.355.493.476 | - |
| Các khoản đặt cọc, ký cược, ký quỹ ngắn hạn | 5.916.791.736 | - | - | - |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 2.547.064.729 | - | 1.265.959.439 | - |
| Cộng | 14.655.889.958 | - | 6.042.011.944 | - |

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Nợ xấu

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|---|--------------------|------------------------|--------------------|------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| Các tổ chức khác | | | | |
| Công ty TNHH MTV Thiết kế - Giám sát - Xây dựng Hưng Long - Trả trước cho người bán | - | - | 739.361.500 | - |
| Công ty TNHH MTV BCA HCKT Thăng Long - Trả trước cho người bán | 135.080.000 | 40.524.000 | - | - |
| Phải thu các tổ chức khác | - | - | 178.335.000 | - |
| Cộng | 135.080.000 | 40.524.000 | 917.696.500 | - |

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 917.696.500 | 882.296.500 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | - | 35.400.000 |
| Hoàn nhập dự phòng | (823.140.500) | - |
| Số cuối năm | 94.556.000 | 917.696.500 |

7. Hàng tồn kho

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|-----------------------|--------------------------|-------------------------|------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| Nguyên liệu, vật liệu | 8.800.173.629 | - | 8.070.047.206 | - |
| Công cụ, dụng cụ | 1.455.915.065 | - | 1.337.443.139 | - |
| Thành phẩm | 1.312.499.341.502 | (60.989.062.755) | 912.102.431.127 | (41.215.674.588) |
| Cộng | 1.322.755.430.196 | (60.989.062.755) | 921.509.921.472 | (41.215.674.588) |

Một số thành phẩm tồn kho cuối năm có giá trị ghi sổ là 596.100.000.000 VND (số đầu năm là 402.000.000.000 VND) đã được dùng thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Số đầu năm | 41.215.674.588 | 39.356.847.383 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 19.773.388.167 | 1.858.827.205 |
| Số cuối năm | 60.989.062.755 | 41.215.674.588 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**8. Chi phí trả trước****8a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|----------------------------------|----------------------|--------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 919.577.295 | 251.927.286 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 907.783.401 | 378.918.973 |
| Cộng | 1.827.360.696 | 630.846.259 |

8b. Chi phí trả trước dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công cụ, dụng cụ | 1.614.092.625 | 2.500.876.126 |
| Chi phí sửa chữa tài sản cố định | 5.639.046.044 | 7.281.438.611 |
| Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng | - | 47.814.508 |
| Phí bảo lãnh vay vốn | 156.659.729 | 277.543.061 |
| Chi phí thuê đất (*) | 13.327.245.436 | 14.002.042.672 |
| Các chi phí trả trước dài hạn khác | 749.216.129 | 2.198.772.241 |
| Cộng | 21.486.259.963 | 26.308.487.219 |

(*) Trong đó, chi phí thuê đất có giá trị còn lại theo sổ sách là 13.327.245.436 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.20a và V.20b).

9. Tài sản cố định hữu hình

Thông tin về biến động của tài sản cố định hữu hình được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 87.671.128.781 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

10. Tài sản cố định thuê tài chính

| | Máy móc và thiết bị |
|--|-----------------------|
| Nguyên giá | |
| Số đầu năm | 45.424.320.258 |
| Thuê tài chính trong năm | 36.134.842.545 |
| Trả tại tài sản cố định thuê tài chính | (45.424.320.258) |
| Số cuối năm | 36.134.842.545 |
| Giá trị hao mòn | |
| Số đầu năm | 32.021.851.156 |
| Khấu hao trong năm | 8.956.778.254 |
| Trả tại tài sản cố định thuê tài chính | (39.468.796.076) |
| Số cuối năm | 1.509.833.334 |
| Giá trị còn lại | |
| Số đầu năm | 13.402.469.102 |
| Số cuối năm | 34.625.009.211 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**11. Tài sản cố định vô hình**

| | Quyền sử dụng đất | Nhãn hiệu, tên thương mại | Chương trình phần mềm máy tính | Cộng |
|---------------------------------------|----------------------|---------------------------|--------------------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số đầu năm | 1.000.000.000 | 62.907.674.178 | 781.225.808 | 64.688.899.986 |
| Số cuối năm | 1.000.000.000 | 62.907.674.178 | 781.225.808 | 64.688.899.986 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | - | 781.225.808 | 781.225.808 |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | - | 18.872.318.248 | 693.725.808 | 19.566.044.056 |
| Khấu hao trong năm | - | 3.145.383.708 | 87.500.000 | 3.232.883.708 |
| Số cuối năm | - | 22.017.701.956 | 781.225.808 | 22.798.927.764 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 1.000.000.000 | 44.035.355.930 | 87.500.000 | 45.122.855.930 |
| Số cuối năm | 1.000.000.000 | 40.889.972.222 | - | 41.889.972.222 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời không sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về biến động của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.

(*) Tập đoàn đã thế chấp, chi phí mua sắm tài sản cố định với giá trị theo sổ sách cuối năm là 175.000.000.000 VND (số đầu năm là 0 VND) để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (xem thuyết minh số V.20b).

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**13a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận**

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|---------------|--------------------|
| Số đầu năm | 166.126.624 | 166.126.624 |
| Ghi nhận vào kết quả kinh doanh | (166.126.624) | - |
| Số cuối năm | - | 166.126.624 |

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (năm trước thuế suất là 20%).

13b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Tập đoàn chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho chi phí lãi vay với số tiền là 6.196.701.245 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Theo quy định tại Nghị định số 132/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 11 năm 2020 của Chính phủ, từ kỳ tính thuế năm 2019 trở đi, phần chi phí lãi vay không được trừ được chuyển sang kỳ tính thuế tiếp theo khi xác định tổng chi phí lãi vay được trừ trong trường hợp tổng chi phí lãi vay phát sinh được trừ của kỳ tính thuế tiếp theo thấp hơn mức quy định. Thời gian chuyển chi phí lãi vay tính liên tục không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh chi phí lãi vay không được trừ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận do ít có khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai để sử dụng những khoản chi phí lãi vay được chuyển này.

14. Phải trả người bán ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 42.016.917.467 | 41.786.112.070 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | - | 15.510.005.085 |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | 5.213.309.161 | 9.687.346.545 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | - | 8.752.724.010 |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | 2.139.517.802 | 464.834.108 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | - | 7.371.202.322 |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | 34.664.090.504 | - |
| Phải trả các nhà cung cấp khác | 159.805.853.855 | 80.574.269.527 |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Thiên Mã Quỳnh | 67.771.737.139 | 4.353.901.470 |
| Công ty TNHH Nền tảng Tài chính số Vina - Chi nhánh Hà Nội | 24.999.991.719 | 25.569.628.928 |
| Các nhà cung cấp khác | 67.034.124.997 | 50.650.739.129 |
| Cộng | 201.822.771.322 | 122.360.381.597 |

Tập đoàn không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|------------------------|------------------------|
| Trả trước của bên liên quan | 115.786.263.871 | 117.626.779.871 |
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 115.786.263.871 | 117.626.779.871 |
| Trả trước của các khách hàng khác | 6.955.004.045 | 2.689.123.858 |
| Các khách hàng khác | 6.955.004.045 | 2.689.123.858 |
| Cộng | 122.741.267.916 | 120.315.903.729 |

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|----------------------------|----------------|---------------|------------------------|------------------|---------------|---------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 1.081.371.740 | - | 852.651.038 | (1.093.083.448) | 840.939.330 | - |
| Thuế xuất, nhập khẩu | - | 2.784.339.431 | - | - | - | 2.784.339.431 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 13.962.350.379 | - | 6.537.258.534 | (14.618.221.766) | 5.881.387.147 | - |
| Thuế thu nhập cá nhân | 74.429.309 | - | 713.132.253 | (816.531.159) | - | 28.969.597 |
| Thuế tài nguyên | 6.553.200 | - | 98.401.600 | (97.426.800) | 7.528.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số đầu năm | | Số phát sinh trong năm | | Số cuối năm | |
|--|-----------------------|----------------------|------------------------|-------------------------|----------------------|----------------------|
| | Phải nộp | Phải thu | Số phải nộp | Số đã thực nộp | Phải nộp | Phải thu |
| Các loại thuế khác | - | - | 153.123.037 | (106.948.290) | 46.174.747 | - |
| Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác | - | - | 273.967.989 | (241.492.852) | 32.475.137 | - |
| Cộng | 15.124.704.628 | 2.784.339.431 | 8.628.534.451 | (16.973.704.315) | 6.808.504.361 | 2.813.309.028 |

Thuế giá trị gia tăng

Các công ty trong Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

| | |
|---|--------------------------|
| - Hàng thủy sản xuất khẩu | 0% |
| - Hàng thủy sản chưa qua sơ chế bán ở khâu thương mại | Không kê khai, tính thuế |
| - Sản xuất giống thủy sản | Không chịu thuế |
| - Dịch vụ gia công sơ chế hàng thủy sản | 5% |
| - Dịch vụ gia công chế biến hàng thủy sản | 10% |
| - Các dịch vụ khác | 10% |

Từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 đến ngày 31 tháng 12 năm 2023, Tập đoàn được áp dụng mức thuế suất thuế giá trị gia tăng 8% đối với nhóm hàng hóa, dịch vụ đang áp dụng mức thuế suất 10% theo quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 1, Nghị định số 44/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ.

Thuế xuất, nhập khẩu

Tập đoàn kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Các công ty trong Tập đoàn được hưởng các ưu đãi về thuế thu nhập doanh nghiệp như sau:

Công ty Cổ phần Camimex

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính, Công ty nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 10% đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến nông sản, thủy sản do Công ty hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản và thực hiện ở địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn.

Công ty TNHH Camimex Organic

Theo Thông tư số 96/2015/TT-BTC ban hành ngày 22 tháng 6 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế thu nhập doanh nghiệp tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ, Công ty TNHH Camimex Organic kinh doanh trong lĩnh vực thủy sản thuộc địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nuôi trồng, chế biến thủy sản.

Các công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập khác với thuế suất 20% (năm trước thuế suất là 20%).

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm của các công ty trong Tập đoàn như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|------------------------------|----------------------|-----------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex | 6.404.129.742 | 14.078.221.766 |
| Công ty TNHH Camimex Organic | 133.128.792 | - |
| Cộng | 6.537.258.534 | 14.078.221.766 |

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các Công ty trong Tập đoàn được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Các Công ty trong Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác nước dưới lòng đất với mức 5.000 VND/m³ và cho hoạt động khai thác nước trên mặt với mức 4.000 VND/m³.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo quy định.

17. Phải trả người lao động

Tiền lương tháng 12 và tháng 13 năm 2023 còn phải trả cho người lao động.

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

Là chi phí lãi vay phải trả.

19. Phải trả ngắn hạn khác

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|-----------------------|-----------------------|
| Phải trả các bên liên quan | 646.189.008 | 10.305.340.269 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods - Tiền ủy thác xuất | 159.087.323 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Group - Cổ tức phải trả | - | 9.818.238.584 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn - Cổ tức phải trả | 200.368.069 | 200.368.069 |
| Ông Bùi Đức Dũng - Cổ tức phải trả | 3.251.409 | 3.251.409 |
| Ông Bùi Đức Cường - Cổ tức phải trả | 32.514.088 | 32.514.088 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn - Cổ tức phải trả | 30.481.958 | 30.481.958 |
| Vũ Thị Bích Ngọc - Cổ tức phải trả | 220.486.161 | 220.486.161 |
| Phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 31.010.319.553 | 27.028.971.201 |
| Kinh phí công đoàn | 6.927.371.824 | 5.910.684.842 |
| Bảo hiểm xã hội | 3.036.896.843 | 2.308.002.032 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 980.000.000 | 480.000.000 |
| Cổ tức phải trả | 2.497.081.977 | 2.497.081.977 |
| Coop Basel - Tiền mượn | 8.288.420.527 | 8.054.226.827 |
| Jullia Alex Asianfood - Tiền đặt cọc chuyển không đúng hợp đồng | 6.698.967.994 | 6.698.967.994 |
| Các khoản phải trả ngắn hạn khác | 2.581.580.388 | 1.080.007.529 |
| Cộng | 31.656.508.561 | 37.334.311.470 |

Tập đoàn không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**20. Vay và nợ thuê tài chính****20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn**

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|--------------------------|------------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các bên liên quan | 169.312.198.400 | 19.120.000.000 |
| Vay Ông Huỳnh Văn Tấn ^(x) | 520.000.000 | 520.000.000 |
| Vay Ông Bùi Đức Dũng ^(x) | 2.000.000.000 | - |
| Vay Bà Vũ Thị Bích Ngọc ^(x) | 22.300.000.000 | 8.200.000.000 |
| Vay Bà Bùi Vũ Diệu Anh ^(x) | 3.000.000.000 | - |
| Vay Công ty Cổ phần Camimex Group ^(x) | 131.092.198.400 | - |
| Vay Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú ^(x) | 10.400.000.000 | 10.400.000.000 |
| Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn phải trả các tổ chức và cá nhân khác | 1.038.528.794.110 | 890.344.922.270 |
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 837.580.975.931 | 678.080.107.357 |
| - Vay Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 79.310.257.542 | 68.653.332.473 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam ⁽ⁱⁱ⁾ | 15.483.117.121 | 25.194.608.495 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 167.841.480.768 | 145.022.989.776 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ^(iv) | 166.753.890.000 | 89.678.174.897 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam - Chi nhánh Cần Thơ | - | 36.777.037.830 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ^(v) | 99.047.147.500 | 110.111.322.386 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau ^(vi) | 200.174.205.000 | 197.672.641.500 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Quốc Dân - Chi nhánh Cà Mau | - | 4.970.000.000 |
| - Vay Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn ^(vii) | 34.167.928.000 | - |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Chương Dương ^(viii) | 39.802.950.000 | - |
| - Vay Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh ^(ix) | 35.000.000.000 | - |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác ^(x) | - | 14.865.358.301 |
| - Vay Vih Captital Pte., Ltd | - | 14.865.358.301 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 186.958.754.975 | 77.500.000.000 |
| - Vay Bà Nguyễn Thị Lam ^(x) | 63.562.754.975 | 3.750.000.000 |
| - Vay Bà Trần Thị Phương ^(x) | 10.000.000.000 | 8.000.000.000 |
| - Vay Ông Nguyễn Xuân Toán ^(x) | 6.000.000.000 | 5.000.000.000 |
| - Vay Ông Tạ Thanh Phú ^(x) | 76.146.000.000 | 38.500.000.000 |
| - Vay Ông Trần Đức Bá Cao ^(x) | 10.000.000.000 | - |
| - Vay ngắn hạn các cá nhân khác ^(x) | 21.250.000.000 | 22.250.000.000 |
| Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b) | 324.996.000 | 3.540.859.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả (xem thuyết minh số | 13.664.067.204 | 16.722.207.944 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---------------------------------------|--------------------------|------------------------|
| V.20b) | | |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả | - | 99.636.389.668 |
| Cộng | 1.207.840.992.510 | 909.464.922.270 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn.

- (i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng giấy nhận nợ, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp nhà cửa, vật kiến trúc, máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, thiết bị dụng cụ quản lý và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.9 và VII.1b).
- (ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7 và VII.1b).
- (iii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp hàng hóa, máy móc thiết bị và phương tiện vận tải và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.7, V.9 và VII.1b).
- (iv) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.3, V.7, VII.1a và VII.1b).
- (v) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp quyền đòi nợ, hàng hóa và chi phí thuê đất (xem thuyết minh số V.3, V.7 và V.8b).
- (vi) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1b).
- (vii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TNHH MTV Woori Việt Nam - Chi nhánh Sài Gòn để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp hàng hóa (xem thuyết minh số V.2a và V.7).
- (viii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thương tín - Chi nhánh Chợ Lớn - Phòng giao dịch Chương Dương để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản của bên thứ ba (xem thuyết minh số VII.1a).
- (ix) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng SinoPac - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất theo từng lần giải ngân, thời hạn vay 12 tháng. Khoản vay này

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi của Công ty và bảo lãnh của bên thứ ba (xem thuyết minh số V.2a và VII.1b).

- (x) Khoản vay ngắn hạn các tổ chức và cá nhân khác không tính lãi.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong năm như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn | Số tiền vay đã trả trong năm | Chênh lệch tỷ giá cuối năm | Số cuối năm |
|---------------------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------------|------------------------------|----------------------------|--------------------------|
| Vay ngắn hạn ngân hàng | 678.080.107.357 | 2.788.243.403.147 | - | (2.629.647.293.541) | 904.758.968 | 837.580.975.931 |
| Vay ngắn hạn các tổ chức khác | 25.265.358.301 | 816.812.634.385 | - | (700.585.794.286) | - | 141.492.198.400 |
| Vay ngắn hạn các cá nhân | 86.220.000.000 | 409.968.754.975 | - | (281.410.000.000) | - | 214.778.754.975 |
| Vay dài hạn đến hạn trả | 3.540.859.000 | - | 324.996.000 | (3.540.859.000) | - | 324.996.000 |
| Nợ thuê tài chính đến hạn trả | 16.722.207.944 | - | 13.411.269.988 | (16.469.410.728) | - | 13.664.067.204 |
| Trái phiếu thường dài hạn đến hạn trả | 99.636.389.668 | 365.452.057 | - | (100.001.841.725) | - | - |
| Cộng | 909.464.922.270 | 4.015.390.244.564 | 13.736.265.988 | (3.731.655.199.280) | 904.758.968 | 1.207.840.992.510 |

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------------------|-----------------------|
| Vay và nợ thuê tài chính dài hạn phải trả các tổ chức khác | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 105.888.515.000 | 406.261.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín - Chi nhánh Cà Mau ⁽ⁱ⁾ | 81.265.000 | 406.261.000 |
| - Vay Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ⁽ⁱⁱ⁾ | 105.807.250.000 | - |
| Vay dài hạn các tổ chức khác | - | 4.110.000.000 |
| Vay Quỹ Bảo vệ Môi trường Việt Nam | - | 4.110.000.000 |
| Nợ thuê tài chính | 40.166.552.535 | 19.389.604.957 |
| Thuê tài chính Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất 6,6%/năm, thời hạn 05 năm | 10.021.396.636 | 2.833.159.330 |
| Thuê tài chính Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất không quá 12%/năm, thời hạn 05 năm | 15.321.367.270 | 16.556.445.627 |
| Thuê tài chính Công ty cho thuê Tài Chính TNHH MTV Quốc Tế Chailease để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh với lãi suất thả nổi, thời hạn 05 năm | 14.823.788.629 | - |
| Cộng | 146.055.067.535 | 23.905.865.957 |

Tập đoàn có khả năng trả được các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(i) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương tín – Chi nhánh Cà Mau để mua xe ô tô với lãi suất của 6 tháng đầu tiên là 9,0%/năm, từ tháng thứ 7 trở đi lãi suất được điều chỉnh theo định kỳ 03 tháng/lần, thời hạn vay 48 tháng. Số tiền vay được hoàn trả hàng tháng, thanh toán lần đầu vào ngày 15 tháng 01 năm 2015. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.9).

(ii) Khoản vay của Công ty Cổ phần Camimex tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng để mua dự án nhà máy Hùng Vương Bến Tre để sản xuất chế biến cá fillet với lãi suất theo từng lần nhận nợ, thời hạn vay 84 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Số tiền vay được hoàn trả hàng quý, thanh toán lần đầu vào ngày 25 tháng 02 năm 2025. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp chi phí thuê đất và tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8b và V.12).

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Tổng nợ | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm |
|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 106.213.511.000 | 324.996.000 | 70.619.431.672 | 35.269.083.328 |
| Nợ thuê tài chính | 53.830.619.739 | 13.664.067.204 | 40.166.552.535 | - |
| Cộng | 160.044.130.739 | 13.989.063.204 | 110.785.984.207 | 35.269.083.328 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay dài hạn ngân hàng | 1.227.120.000 | 820.859.000 | 406.261.000 | - |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 6.830.000.000 | 2.720.000.000 | 4.110.000.000 | - |
| Nợ thuê tài chính | 36.111.812.901 | 16.722.207.944 | 19.389.604.957 | - |
| Trái phiếu thường | 99.636.389.668 | 99.636.389.668 | - | - |
| Cộng | 143.805.322.569 | 119.899.456.612 | 23.905.865.957 | - |

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Cộng |
|-----------------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| Số cuối năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 13.664.067.204 | 40.166.552.535 | 53.830.619.739 |
| Lãi thuê phải trả | 5.012.590.479 | 9.256.683.168 | 14.269.273.647 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 18.676.657.683 | 49.423.235.703 | 68.099.893.386 |
| Số đầu năm | | | |
| Tiền gốc phải trả | 16.722.207.944 | 19.389.604.957 | 36.111.812.901 |
| Lãi thuê phải trả | 2.676.349.966 | 1.507.056.266 | 4.183.406.232 |
| Nợ thuê tài chính phải trả | 19.398.557.910 | 20.896.661.223 | 40.295.219.133 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

| | Số đầu năm | Số tiền vay phát sinh trong năm | Số tiền vay đã trả trong năm | Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn | Số cuối năm |
|--------------------------|-----------------------|---------------------------------|------------------------------|------------------------------------|------------------------|
| Vay dài hạn ngân hàng | 406.261.000 | 105.807.250.000 | - | (324.996.000) | 105.888.515.000 |
| Vay dài hạn tổ chức khác | 4.110.000.000 | - | (4.110.000.000) | - | - |
| Nợ thuê tài chính | 19.389.604.957 | 62.259.723.293 | (28.071.505.727) | (13.411.269.988) | 40.166.552.535 |
| Cộng | 23.905.865.957 | 168.066.973.293 | (32.181.505.727) | (13.736.265.988) | 146.055.067.535 |

20c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Tập đoàn không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Tập đoàn chỉ có quỹ phúc lợi. Chi tiết phát sinh như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--------------------|--------------------|--------------------|
| Số đầu năm | 880.000.000 | 880.000.000 |
| Số cuối năm | 880.000.000 | 880.000.000 |

22. Vốn chủ sở hữu**22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 03 đính kèm.

22b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------|------------------------|------------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | 724.725.000.000 | 483.150.000.000 |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | 14.790.000.000 | 9.860.000.000 |
| Các cổ đông khác | 205.484.980.000 | 136.990.000.000 |
| Cộng | 944.999.980.000 | 630.000.000.000 |

Trong năm, Công ty mẹ đã phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 2:1 (cổ đông sở hữu 02 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới), trong đó 97,84% từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và 2,16% từ thặng dư vốn cổ phần theo Nghị quyết số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24 tháng 5 năm 2023 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023. Trên cơ sở đó, Công ty mẹ đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu 314.999.980.000 VND, ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 308.199.980.000 VND và giảm thặng dư vốn cổ phần 6.800.000.000 VND. Và ngày 01 tháng 8 năm 2023 Công ty mẹ đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 14 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Cà Mau cấp về việc tăng vốn điều lệ từ 630.000.000.000 VND lên 944.999.980.000 VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

22c. Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|-------------------------------------|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 94.499.998 | 63.000.000 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 94.499.998 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 94.499.998 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | - |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | - |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 94.499.998 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 94.499.998 | 63.000.000 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22d. Phân phối lợi nhuận

Công ty mẹ đã phân phối lợi nhuận các năm trước bằng việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần cho các cổ đông với số tiền 308.199.980.000 VND theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/NQ.ĐHĐCĐ.CMC.23 ngày 24 tháng 5 năm 2023.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất**Ngoại tệ các loại**

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền bao gồm 54.538,44 USD (số đầu năm là 167.263,13 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng hóa | 6.690.593.332 | 78.525.129.001 |
| Doanh thu bán thành phẩm | 1.909.556.946.531 | 2.357.424.908.481 |
| Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công | 4.726.435.396 | 582.751.399 |
| Cộng | 1.920.973.975.259 | 2.436.532.788.881 |

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Tập đoàn phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|---------------|-----------|
| <i>Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt</i> | | |
| <i>Bà Vũ Thị Bích Ngọc</i> | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 7.520.000 | - |
| <i>Công ty Cổ phần Camimex Group</i> | | |
| Bán hàng hóa | 6.045.040.000 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán thành phẩm | 2.533.406.000 | 8.390.791.000 |
| Doanh thu gia công | - | 349.337.151 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 255.576.769.366 | 3.217.804.000 |
| Doanh thu gia công | 3.726.117.800 | - |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | | |
| Doanh thu bán thành phẩm | 35.021.560.000 | - |
| Doanh thu gia công | 257.800.760 | - |
| 2. Khoản giảm trừ doanh thu | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Hàng bán bị trả lại | 7.524.950.074 | 22.239.686.987 |
| Giảm giá hàng bán | - | 97.059.970 |
| Cộng | 7.524.950.074 | 22.336.746.957 |
| 3. Giá vốn hàng bán | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 5.893.927.200 | 64.258.147.777 |
| Giá vốn của thành phẩm đã bán | 1.629.190.226.979 | 2.018.190.447.949 |
| Giá vốn của dịch vụ gia công đã cung cấp | 4.085.910.800 | 497.675.775 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 19.773.388.167 | 1.858.827.205 |
| Cộng | 1.658.943.453.146 | 2.084.805.098.706 |
| 4. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Lãi tiền không kỳ hạn | 14.691.674 | 10.598.345 |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 175.814.260 | 464.835.616 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh | 28.198.405.031 | 42.451.907.552 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | - | 13.138.238.079 |
| Cộng | 28.388.910.965 | 56.065.579.592 |
| 5. Chi phí tài chính | | |
| | Năm nay | Năm trước |
| Chi phí lãi vay | 57.736.100.462 | 45.747.465.803 |
| <i>Chi phí lãi vay Ngân hàng và lãi vay thuê tài chính</i> | 56.675.826.488 | 34.466.643.884 |
| <i>Chi phí lãi trái phiếu</i> | 1.060.273.974 | 11.280.821.919 |
| Chi phí phát hành trái phiếu | 363.610.332 | 1.895.968.161 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh | 38.706.567.569 | 56.036.762.508 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 2.167.551.639 | - |
| Cộng | 98.973.830.002 | 103.680.196.472 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**6. Chi phí bán hàng**

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|-----------------------|------------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 6.613.836.743 | 6.262.228.410 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 119.000.000 | 204.000.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 34.283.203.136 | 88.862.023.329 |
| Chi phí vận chuyển | 14.693.648.637 | 56.228.945.347 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài khác | 19.589.554.499 | 32.633.077.982 |
| Các chi phí khác | 20.959.113.486 | 16.098.076.587 |
| Cộng | 61.975.153.365 | 111.426.328.326 |

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-----------------------|-----------------------|
| Chi phí cho nhân viên | 19.087.104.538 | 15.229.522.158 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 1.282.305.558 | 2.383.177.113 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 8.552.243.781 | 8.421.838.929 |
| Thuế, phí và lệ phí | 47.517.374 | 95.053.435 |
| Dự phòng (hoàn nhập dự phòng) phải thu khó đòi | (823.140.500) | 35.400.000 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 6.850.244.400 | 2.421.798.426 |
| Các chi phí khác | 28.187.425.903 | 20.672.694.178 |
| Cộng | 63.183.701.054 | 49.259.484.239 |

8. Thu nhập khác

| | Năm nay | Năm trước |
|---|--------------------|----------------------|
| Thu nhập từ thay đổi tài sản góp vốn từ quyền sử dụng đất sang tiền gửi ngân hàng | - | 5.137.631.680 |
| Thu nhập từ các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ | 75.104.665 | 8.543.832 |
| Thu hỗ trợ tiền hàng, tiền bồi thường | 269.708.231 | - |
| Thu nhập từ điện nước | 437.664.261 | 596.725.978 |
| Thu nhập khác | 16.128.066 | 46.246.227 |
| Cộng | 798.605.223 | 5.789.147.717 |

9. Chi phí khác

| | Năm nay | Năm trước |
|--|----------------------|----------------------|
| Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 5.772.401.225 | 117.284 |
| Phạt do vi phạm hợp đồng | 616.276.690 | - |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 541.485.590 | 656.690.498 |
| Chi trợ cấp mất việc làm cho nhân viên nghỉ việc | 226.480.749 | 199.861.913 |
| Lãi phạt chậm nộp Bảo hiểm xã hội | - | 2.786.712.070 |
| Chi phí khác | 916.774.093 | 2.247.268.840 |
| Cộng | 8.073.418.347 | 5.890.650.605 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**10. Lãi trên cổ phiếu****10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

| | Năm nay | Năm trước |
|---|----------------|-----------------|
| Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp của cổ đông công ty mẹ | 44.675.967.211 | 107.111.133.853 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - |
| Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 44.675.967.211 | 107.111.133.853 |
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm | 76.153.845 | 76.153.845 |
| Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu | 587 | 1.407 |

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|-------------------|-------------------|
| Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm | 63.000.000 | 63.000.000 |
| Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm | 13.153.845 | 13.153.845 |
| Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm | 76.153.845 | 76.153.845 |

10b. Thông tin khác

Ngày 01 tháng 8 năm 2023 Công ty mẹ đã tăng vốn điều lệ từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu năm trước đã được điều chỉnh lại do ảnh hưởng của sự kiện này. Việc điều chỉnh này làm cho lãi cơ bản/lãi suy giảm trên cổ phiếu năm trước giảm từ 1.700 VND xuống còn 1.407 VND.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | Năm nay | Năm trước |
|----------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 1.058.539.016.250 | 1.997.467.018.657 |
| Chi phí nhân công | 131.780.658.235 | 144.713.204.564 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 59.749.930.007 | 55.516.093.380 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 72.904.688.109 | 150.824.169.682 |
| Chi phí khác | 76.968.581.411 | 78.164.426.747 |
| Cộng | 1.399.942.874.012 | 2.426.684.913.030 |

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Tập đoàn bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt của Công ty gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Tổng Giám đốc Công ty. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tập đoàn không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt. Các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|---|------------------|-------------|
| Các thành viên Hội đồng quản trị | | |
| Tăng vốn góp | 5.010.000.000 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 76.044.000.000 | - |
| Trả tiền vay | (76.044.000.000) | - |
| Tạm ứng cổ tức | - | 203.619.478 |
| Các thành viên Ban Tổng Giám đốc | | |
| Tăng vốn góp | 800.000.000 | - |
| Tạm ứng cổ tức | - | 62.996.046 |
| Cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt | | |
| Tăng vốn góp | 5.525.000.000 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 17.100.000.000 | - |
| Bán tài sản cố định hữu hình | 363.636.364 | - |
| Tạm ứng cổ tức | - | 220.486.161 |

Cam kết bảo lãnh

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan đã dùng cổ phiếu thuộc sở hữu của mình, quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất để bảo đảm cho các khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.19 và V.20a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát của Công ty Cổ phần Camimex:

| | Chức danh | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|-------------------|------------------------------------|-------------|------------|---------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT | - | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 256.971.320 | 48.000.000 | 304.971.320 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên HĐQT kiêm | 256.982.780 | 48.000.000 | 304.982.780 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Chức danh | Tiền lương | Thù lao | Cộng thu nhập |
|----------------------|--|--------------------|--------------------|----------------------|
| Năm nay | | | | |
| Ông Trần Minh Thiệu | Phó Tổng Giám đốc | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Bùi Đức Dũng | Thành viên HĐQT | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | 256.968.620 | - | 256.968.620 |
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban Ban kiểm soát | - | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên Ban kiểm soát | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên Ban kiểm soát | - | 9.335.484 | 9.335.484 |
| Bà Trần Thị My | Thành viên Ban kiểm soát | - | 14.464.516 | 14.464.516 |
| Cộng | | 770.922.720 | 347.800.000 | 1.118.722.720 |
| Năm trước | | | | |
| Ông Bùi Sĩ Tuấn | Chủ tịch HĐQT | - | 72.000.000 | 72.000.000 |
| Ông Đặng Ngọc Sơn | Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 255.360.766 | 48.000.000 | 303.360.766 |
| Ông Bùi Đức Cường | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc | 257.348.977 | 48.000.000 | 305.348.977 |
| Ông Trần Minh Thiệu | Thành viên HĐQT | - | 48.000.000 | 48.000.000 |
| Ông Bùi Đức Dũng | Thành viên HĐQT | - | 33.733.333 | 33.733.333 |
| Ông Huỳnh Văn Tấn | Phó Tổng Giám đốc | 255.368.798 | - | 255.368.798 |
| Bà Lữ Hồng Lam | Trưởng ban Ban kiểm soát | - | 36.000.000 | 36.000.000 |
| Ông Nguyễn Hoài Linh | Thành viên Ban kiểm soát | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Bà Đinh Thị Hoa | Thành viên Ban kiểm soát | - | 24.000.000 | 24.000.000 |
| Cộng | | 768.078.541 | 333.733.333 | 1.101.811.874 |

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:

| Bên liên quan khác | Mối quan hệ |
|---|---|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Camimex Organic | Công ty con |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | Công ty trong cùng Tập đoàn |
| Công ty Cổ phần Công nghệ cao Camimex | Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vĩnh Hải | Công ty có chủ sở hữu có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | Công ty có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty mẹ |
| Công ty TNHH Thực phẩm - Thủy sản Thái Minh Hưng | Công ty có người đại diện theo pháp luật có mối quan hệ mật thiết với thành viên quản lý chủ chốt của Công ty |

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Tập đoàn còn phát sinh các giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|-------------------|
| Công ty Cổ phần Camimex Group | | |
| Hoàn trả vốn góp bằng quyền sử dụng đất | - | (49.300.513.000) |
| Hoàn trả vốn góp bằng tiền | - | (14.283.208.187) |
| Tăng vốn góp | 241.575.000.000 | 63.583.721.187 |
| Mua hàng hóa | 418.196.969.256 | 37.252.005.085 |
| Cung cấp dịch vụ | 7.364.057.239 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 331.730.000.000 | 12.973.140.000 |
| Trả tiền vay | (200.637.801.600) | (20.743.221.030) |
| Tạm ứng cổ tức | - | 9.818.238.584 |
| Công ty Cổ phần Camimex Logistics | | |
| Chi phí dịch vụ vận chuyển | - | 64.464.961.990 |
| Mua tài sản cố định | - | 1.214.223.048 |
| Công ty Cổ phần Camimex Foods | | |
| Mua hàng hóa | 116.462.083.220 | 127.794.591.258 |
| Phí hỗ trợ mua tôm nguyên liệu | - | 13.575.040.150 |
| Chi phí cung cấp dịch vụ | 5.742.038.298 | 9.808.119.023 |
| Mua tài sản cố định hữu hình | 40.000.000.000 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 45.711.000.000 | 101.760.000.000 |
| Trả tiền vay | (45.711.000.000) | (101.760.000.000) |
| Công ty Cổ phần Camimex Farm | | |
| Mua hàng hóa | 3.303.745.046 | - |
| Vay tiền không lãi suất | 2.100.000.000 | - |
| Trả tiền vay | (2.100.000.000) | - |
| Công ty TNHH MTV Xuất nhập khẩu Thủy sản Vinh Hải | | |
| Mua hàng hóa | 117.806.831.728 | 37.874.796.086 |
| Chi phí dịch vụ vận chuyển | 1.769.200.000 | 119.900.000 |
| Vay tiền không lãi suất | 34.520.486.312 | - |
| Trả tiền vay | (34.520.486.312) | - |
| Công ty TNHH Thương mại Kim Ngân Phú | | |
| Mua hàng hóa | 297.184.482.844 | 635.436.070.726 |
| Vay tiền không lãi suất | 393.772.238.094 | 392.553.926.866 |
| Trả tiền vay | (393.772.238.094) | (392.553.926.866) |
| Công ty TNHH Chế biến Thủy sản Kim Ngân Phát | | |
| Bán tài sản cố định hữu hình | 363.636.364 | - |
| Chi phí gia công | - | 2.786.973.768 |

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Cam kết bảo lãnh

Công ty Cổ phần Camimex Farm dùng hợp đồng tiền gửi thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Cà Mau với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 200.000.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Foods dùng tài sản cố định thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 30.035.145.169 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Logistics dùng tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 29.350.000.000 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công ty Cổ phần Camimex Group dùng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc sở hữu của mình để bảo đảm cho khoản vay của Tập đoàn tại các Ngân hàng với số dư nợ gốc và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này tối đa là 48.071.580.820 VND (xem thuyết minh số V.20a).

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.14, V.15, V.19 và V.20a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Tập đoàn là hoạt động chế biến các sản phẩm từ thủy sản đông lạnh. Doanh thu và giá vốn của các hoạt động kinh doanh được trình bày tại thuyết minh số VI.1a và VI.3.

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn phát sinh gồm xuất khẩu và nội địa.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Nước ngoài | 1.256.475.780.157 | 1.753.029.342.629 |
| Trong nước | 656.973.245.028 | 661.166.699.295 |
| Cộng | 1.913.449.025.185 | 2.414.196.041.924 |

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)**3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính**

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trần Quốc Phong
Người lập**Nguyễn Thị Lam**
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX**

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 01: Bảng tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

| | Đơn vị tính: VND | | | |
|---------------------------------------|------------------------|------------------------|---------------------------------|---------------------------|
| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý |
| Nguyên giá | | | | Cộng |
| Số đầu năm | 221.916.329.879 | 287.254.177.296 | 39.931.861.935 | 550.713.283.106 |
| Mua trong năm | 30.777.061.468 | 48.374.904.912 | 12.919.469.024 | 92.146.435.404 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 36.022.673.049 | - | - | 36.022.673.049 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (5.614.627.274) | (5.614.627.274) |
| Số cuối năm | 288.716.064.396 | 335.629.082.208 | 47.236.703.685 | 673.267.764.285 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 39.560.002.981 | 44.995.109.094 | 9.805.968.968 | 95.667.895.039 |
| Chờ thanh lý | - | - | - | - |
| Giá trị hao mòn | | | | |
| Số đầu năm | 84.028.724.568 | 141.433.984.345 | 24.387.603.081 | 251.301.692.650 |
| Khấu hao trong năm | 19.171.854.554 | 24.744.360.650 | 3.583.232.845 | 47.560.268.045 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | - | (3.577.066.700) | (3.577.066.700) |
| Số cuối năm | 103.200.579.122 | 166.178.344.995 | 24.393.769.226 | 295.284.893.995 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số đầu năm | 137.887.605.311 | 145.820.192.951 | 15.544.258.854 | 299.411.590.456 |
| Số cuối năm | 185.515.485.274 | 169.450.737.213 | 22.842.934.459 | 377.982.870.290 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - |

Trần Quốc Phong
Người lập**Nguyễn Thị Lam**
Kế toán trưởng

Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đặng Ngọc Sơn
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 02: Bảng tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | Số đầu năm | Chi phí phát sinh trong năm | Kết chuyển vào tài sản cố định trong năm | Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn | Số cuối năm |
|---|-----------------------|-----------------------------|--|---|------------------------|
| Mua sắm tài sản cố định (*) | 29.516.760.000 | 188.553.887.452 | - | - | 218.070.647.452 |
| Xây dựng cơ bản dở dang | 68.337.037.671 | 238.658.333 | (36.022.673.049) | (343.109.091) | 32.209.913.864 |
| - Công trình sửa chữa xi nghiệp 5 - Nhận bàn giao máy móc thiết bị góp vốn từ Công ty Cổ phần Camimex Group | 7.492.033.611 | - | - | - | 7.492.033.611 |
| - Công trình sửa chữa xi nghiệp 5 - Nhận bàn giao chi phí đầu tư xây dựng cơ bản từ Công ty Cổ phần Camimex Group | 22.494.312.000 | - | (22.494.312.000) | - | - |
| - Công trình thiết kế hạng mục Nhà máy xi nghiệp 3 - Zone 1 sản xuất Cá Chém | 16.314.752.727 | - | - | - | 16.314.752.727 |
| - Công trình xây dựng khóm 5, phường 1, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau | 982.422.346 | - | (982.422.346) | - | - |
| - Công trình san lấp mặt bằng | 9.523.619.091 | - | (9.523.619.091) | - | - |
| - Các công trình khác | 11.529.897.896 | 238.658.333 | (3.022.319.612) | (343.109.091) | 8.403.127.526 |
| Cộng | 97.853.797.671 | 188.792.545.785 | (36.022.673.049) | (343.109.091) | 250.280.561.316 |

Đơn vị tính: VND



Trần Quốc Phong
 Người lập



Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đặng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

Địa chỉ: Số 333, đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau
 BẢO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Phụ lục 03: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | Vốn góp của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | Cộng |
|-------------------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------------------|---------------------------------|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 223.377.239.521 | 11.795.063.613 | 871.972.303.134 |
| Tăng trong năm trước | 63.583.721.187 | - | - | - | 63.583.721.187 |
| Lợi nhuận trong năm trước | - | - | 107.111.153.889 | (200.364.770) | 106.910.789.119 |
| Giảm trong năm trước | (63.583.721.187) | - | - | - | (63.583.721.187) |
| Chia cổ tức trong năm trước | - | - | (12.802.422.246) | - | (12.802.422.246) |
| Số dư cuối năm trước | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 317.685.971.164 | 11.594.698.843 | 966.080.670.007 |
| Số dư đầu năm nay | 630.000.000.000 | 6.800.000.000 | 317.685.971.164 | 11.594.698.843 | 966.080.670.007 |
| Tăng vốn từ lợi nhuận trong năm nay | 308.199.980.000 | - | (308.199.980.000) | - | - |
| Tăng vốn từ thặng dư vốn cổ phần | 6.800.000.000 | (6.800.000.000) | - | - | - |
| Lợi nhuận trong năm nay | - | - | 44.675.787.793 | 107.812.508 | 44.783.600.301 |
| Số dư cuối năm nay | 944.999.980.000 | - | 54.161.778.957 | 11.702.511.351 | 1.010.864.270.308 |

Đơn vị tính: VND



Trần Quốc Phong
 Người lập



Nguyễn Thị Lam
 Kế toán trưởng



Cà Mau, ngày 28 tháng 3 năm 2024

Đặng Ngọc Sơn
 Tổng Giám đốc



Cà Mau, ngày 19 tháng 04 năm 2024
XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ





BÙI SĨ TUẤN





CÔNG TY CỔ PHẦN CAMIMEX

 Số 333 đường Cao Thắng, khóm 7, phường 8, Thành phố Cà Mau,
Tỉnh Cà Mau, Việt Nam

 (0290) 3831 608

 cmmseafood.com.vn

 camimex@camimex.com.vn